

CHAPITRE V
CURÉ DE LA CATHÉDRALE DE HANOÏ
(1945-1951)

En pleine bourrasque économique, politique, religieuse, en pleine persécution, être nommé à un poste aussi central et provoquant que celui de curé de la cathédrale de Hanoï, c'est tout ce qu'il faut pour faire bondir de joie le cœur de « Paul l'Intrépide » !

— Parce que c'est une promotion ? Il n'a guère le temps de s'en soucier ! — Il aura davantage de travail ? Il ne le refuse pas ! — Un apostolat plus étendu ? Il en faut à son tempérament de flamme. — Des contacts avec les jeunes ? Ils n'en seront qu'élargis. — Des difficultés ? Il n'en manquera pas, surtout qu'il les recherche presque, pour mieux les résoudre. — Un curé de cathédrale a besoin d'entregent, car il reçoit des personnalités. Il a eu l'occasion d'en faire preuve auprès de généraux ou de gouverneurs. — Quant à la part de contemplation de sa vie, elle ne s'en trouvera qu'approfondie, car c'est dans la prière et dans la célébration de la sainte messe qu'il puise les grâces sans lesquelles son labeur serait stérile. — Reste le problème de Caroline... C'est un fil à la patte, auquel il a promis de rester fidèle ; mais est-ce bien convenable de garder cette vieille guimbarde devenue légendaire, dans un poste aussi prestigieux que celui de curé de cathédrale ?... On verra !

La situation politique va évoluer avec la capitulation de l'Allemagne et la signature de la paix en Europe, le 8 mai 1945. Cependant, la guerre continue dans le Pacifique. Le Japon se trouve isolé, mais poursuit sa lutte sournoise et sa volonté d'expansion. Il faudra les bombes atomiques d'Hiroshima et de Nagasaki, les 6 et 9 août 1945, qui firent près de cent cinquante mille morts et bien davantage encore de grands blessés, pour le mettre à genoux devant les États-Unis et l'obliger à capituler. Mais cent mille Japonais tiennent encore l'Indochine. Le gouvernement français semble comprendre l'enjeu que représente l'Indochine à cette heure où, après cinq années d'abandon, cette colonie qui a été florissante grâce à la France risque de tomber entre des mains étrangères qui la convoitent : la Chine, au nord ; certaines nations occidentales qui envient ses richesses ; et surtout un important groupe indépendantiste, le Viêt-minh, qui, depuis des années, suit un entraînement communiste souterrain et intensif dans la perspective d'un renversement de régime ; il forme déjà, d'ailleurs, avec Hồ-Chi-Minh comme président, un gouvernement parallèle qui repousse de plus en plus les Français. Chinois et Viêt-minhs guettent le départ des Japonais et vont s'entendre pour l'obtenir — à leur avantage.

CHƯƠNG 5
CHA SỞ NHÀ THỜ CHÍNH TÒA HÀ NỘI
(1945-1951)

Giữa cơn bão kinh tế, chính trị, tôn giáo dồn dập, lại còn bị đàn áp khốc liệt, việc được bổ nhiệm vào một vị trí quan trọng và đầy thách thức như chức vụ chánh xứ nhà thờ chính tòa Hà Nội, chắc hẳn làm cho con tim của “Cha Paul can trường” hân hoan vui mừng!

Đó có phải là một sự thăng chức không? Ngài không có thời gian để quan tâm! - Ngài sẽ có nhiều việc hơn? Ngài không từ chối! - Một sứ vụ tông đồ rộng lớn hơn? Điều này cần thiết cho bầu nhiệt huyết cháy bỏng của Ngài. - Gặp gỡ giới trẻ? Vâng, sẽ ngày càng mở rộng. - Nhiều khó khăn hơn? Chắc chắn sẽ không thiếu, nhất là khi có thể nói Ngài hầu như tìm kiếm khó khăn để dễ dàng khắc phục hơn. - Một cha sở nhà thờ chính tòa cần phải có tài ngoại giao vì Ngài tiếp xúc với nhiều giới chức. Ngài đã có dịp chứng tỏ điều này với các tướng lãnh hay các nhà lãnh đạo. Về phần đời sống chiêm niệm của Ngài, nó chỉ càng sâu xa hơn, bởi vì chính nhờ cầu nguyện và cử hành thánh lễ mà Ngài có thể lấy được nguồn ân sủng để làm cho công việc của mình sinh hoa kết trái. - Còn lại là vấn đề Caroline ... Đúng là một sợi dây cột chân, mà Ngài đã hứa trung thành; tuy nhiên có cần phải giữ lại chiếc xe cà tàng huyền thoại này không, trong cương vị cao trọng của một cha sở nhà thờ chính tòa? ... Để tính sau!

Tình hình chính trị biến chuyển với sự đầu hàng của Đức và ký kết hòa bình ở Âu châu, ngày 8/5/1945. Tuy nhiên chiến tranh vẫn tiếp diễn ở Thái Bình Dương. Nước Nhật tuy đơn độc, nhưng vẫn duy trì cuộc chiến tranh xảo trá và dã tâm bành trướng. Phải đợi đến hai quả bom nguyên tử ở Hiroshima và Nagasaki, ngày 6 và 9/8/1945, với gần 150 ngàn người chết, và một số lượng người bị thương còn nhiều hơn thế, mới làm cho Nhật Bản quỳ gối trước Hoa Kỳ và bắt buộc phải đầu hàng. Nhưng 100 ngàn lính Nhật vẫn còn chiếm giữ Đông Dương. Chính phủ Pháp hình như hiểu được hiểm họa mà Đông Dương phải đối diện trong lúc này, sau 5 năm vắng bóng, một thuộc địa phồn vinh mà nước Pháp đã gây dựng, nay có nguy cơ rơi vào tay các thế lực nước ngoài: Trung Quốc ở phía bắc; một số nước Châu Âu đang thèm muốn tài nguyên của vùng đất này; nhưng nguy hiểm nhất là Việt minh, một nhóm đấu tranh quan trọng đòi giành độc lập bằng mọi giá, đã từ nhiều năm nay lén lút tập luyện ráo riết theo đường lối cộng sản, với mục tiêu lật đổ chính quyền; họ còn thành lập một chính phủ song song, với Hồ Chí Minh là chủ tịch, ngày càng gia tăng đánh đuổi người Pháp. Trung Quốc cùng Việt Minh đang chờ ngày quân Nhật ra đi, và sẽ thông đồng với nhau để đạt được mục đích đó -- có lợi cho họ.

Ils vont obtenir aussi — et ce sera une grave erreur du néfaste et lâche esprit démocratique occidental — la démission de Sa Majesté l'empereur Bao Dai, vénéré à l'image d'un dieu par ses peuples, et garant de l'unité de l'Annam

Intervention militaire de la France

Pour intervenir rapidement et tenter de sauver nos intérêts, comme aussi les vies des Français, l'amiral Thierry d'Argenlieu est désigné comme hautcommissaire de France et commandant en chef, et le général Leclerc comme commandant supérieur des troupes françaises en Extrême-Orient.

Nommé le 14 août 1945, Leclerc s'envole dès le 18 et, déployant son énergie proverbiale et son don de contact, il amorce une collaboration amicale avec l'amiral Lord Mountbatten, commandant suprême des forces alliées dans le Sud-Est asiatique, et avec le général américain MacArthur, afin qu'ils reconnaissent les droits de la France sur le Vietnam, d'une part, et d'autre part qu'ils fournissent navires de guerre, navires de transports de troupes, armement et intendance nécessaires à une campagne. Dès le 29 août 1945, premier acte important : il signe, au nom de la France, l'acte de capitulation japonaise. Sur son avion le *Tailly* (1), il vole de ville en ville, noue des contacts, étudie le contexte politique, humain, militaire. Les troupes de la 2e D.B., qui se sont illustrées déjà en Afrique, en France, en Allemagne, débarquent avec leurs blindés et leurs canons et délivrent des éléments viet-minhs révoltés les principales villes de Cochinchine, Leclerc se trouvant toujours en tête des combats. De novembre 1945 à mars 1946, les opérations se succèdent sans arrêt. La Cochinchine libérée, les troupes remontent vers l'Annam, coupent les communications avec Hanoï d'où les Chinois approvisionnent le Viêt-minh.

De Hanoï, où Japonais, Chinois et Viêt-minhs tiennent pratiquement en otages les Européens, à commencer par les autorités civiles, militaires et religieuses, chacun suit la progression des troupes françaises avec le plus vif intérêt et la plus grande anxiété. Le général veut maintenant libérer le Tonkin, mais y arrivera-t-il, avec tant d'ennemis conjugués contre lui ? Sa farouche détermination, son calme et son sens de la diplomatie, sa fermeté surtout et la légende qui l'accompagne mettront Chinois et Vietnamiens au pied du mur.

Il faudra attendre le 15 mars 1946 pour que la division Leclerc entre dans la ville de Hanoï, enfin libérée, où elle reçoit un accueil délirant de la part des quinze mille Français qui sont dans la rue et acclament follement le libérateur qui les délivre ainsi d'un véritable cauchemar prolongé toute une longue année.

Họ cũng đạt được— và đây sẽ là một sai lầm nghiêm trọng, do sự hèn nhát nguy hại của tinh thần dân chủ tây phương – sự thoái vị của hoàng đế Bảo Đại, người được dân chúng thần phục và là người đảm bảo sự thống nhất của nước Việt Nam.

Can thiệp quân sự của Pháp.

Để hành động nhanh chóng và cứu vớt quyền lợi, cũng như sinh mạng người Pháp, đô đốc Thierry d'Argenlieu được chỉ định làm toàn quyền và chỉ huy tối cao, với tướng Leclerc làm tổng chỉ huy lực lượng quân sự Pháp ở Viễn Đông.

Được bổ nhiệm ngày 14/8/1945, tướng Leclerc bay liền vào ngày 18 và phát huy ngay nhiệt huyết cùng tài ngoại giao của mình, ông đã tạo lập được một sự hợp tác thân hữu với đô đốc Mountbatten, chỉ huy tối cao các lực lượng đồng minh ở vùng Đông Nam Á, và với đại tướng người Mỹ Mac Arthur, thuyết phục hai vị này vừa công nhận quyền của nước Pháp trên đất nước Việt Nam, vừa cung cấp các tàu chiến, tàu chuyên chở, vũ khí và quân dụng cần thiết cho chiến dịch. Ngày 29 tháng 8 năm 1945, hành động quan trọng đầu tiên: ông ký kết nhân danh nước Pháp, văn kiện đầu hàng của Nhật Bản. Với chiếc máy bay riêng Tailly của mình, ông bay từ thành phố này đến thành phố khác, kết nối liên lạc, nghiên cứu tình hình chính trị, nhân sự và quân sự. Các cánh quân của sư đoàn 2 Thiết Giáp, vốn đã nổi danh ở chiến trường Phi Châu, Pháp và Đức, đã đổ bộ với xe thiết giáp và đại pháo, giải phóng các tỉnh thành quan trọng của Nam Kỳ khỏi tay các phần tử Việt Minh nổi dậy, và Leclerc luôn là người đi đầu. Từ tháng 11 năm 1945 đến tháng 3 năm 1946, các chiến dịch tiếp diễn liên tục. Miền Lục Tỉnh được giải phóng, các cánh quân tiến về phía Miền Trung, cắt đường liên lạc với Hà Nội, nơi Trung Cộng tiếp tế cho Việt Minh.

Tại Hà Nội, nơi hết quân Nhật, rồi quân Tàu và Việt Minh đang thực tế bắt người Châu Âu làm con tin, bắt đầu từ các quan chức dân sự, quân sự và tôn giáo, mọi người hồi hộp theo dõi từng bước đường tiến quân của quân Pháp. Tướng Leclerc muốn giải phóng Miền Bắc, nhưng liệu có thành công được không với bao kẻ thù ở phía trước? Quyết tâm mạnh mẽ, sự bình tĩnh và tài ngoại giao của ông, nhất là sự kiên định và danh tiếng huyền thoại luôn đi cùng ông sẽ đưa Tàu và Việt Minh vào bước đường cùng.

Phải đợi đến ngày 15 tháng 8 năm 1946 thì quân đội của Leclerc mới tiến vào Hà Nội, hoàn toàn được giải phóng. Họ được hân hoan đón chào bởi 15,000 người Pháp. Đám đông tràn ra đường reo hò tung hô vị tướng giải phóng họ khỏi cơn ác mộng suốt một năm dài. Tươi cười, tự mình lái xe jeep, ông vẫy tay chào.

Souriant, conduisant lui-même sa jeep, le général répond de la main. À plusieurs reprises, il doit stopper, tant la foule le presse. Les rires se mêlent aux pleurs, le moment est poignant.

Les gars de la 2e D.B. n'avaient pas connu semblable accueil depuis Paris en 1944, écrit le Père Seitz. Cette délivrance se faisait sans un coup de fusil, puisque des accords entre les gouvernements chinois et français, d'une part, viet-minh et français d'autre part, étaient intervenus.

De fait, Leclerc a réussi à faire signer, le 13 mars, une convention avec la Chine du généralissime Tchang Kai-Chek, ainsi qu'avec le gouvernement vietnamien de Hồ-Chi-Minh dont il a reçu les émissaires à bord de son navire.

Mon poste de curé de la cathédrale me met en relation avec tout le monde, écrit le P. Seitz. J'ai été reçu, avec Mgr Chaize et deux autres évêques réfugiés à Hanoï, par le général Leclerc quatre jours après son entrée à Hanoï. Contact réconfortant et très sympathique.

Dès qu'une cérémonie officielle religieuse a lieu, c'est évidemment à la cathédrale. J'ai retrouvé avec une joie profonde nombre de mes anciens condisciples du séminaire de la rue du Bac, parmi les jeunes aumôniers militaires accompagnant les troupes. Par eux, j'ai eu enfin un aperçu de «l'histoire de France», depuis 1940. Quatre d'entre eux resteront pour notre mission de Hanoï. Nous avons bien besoin de ce renfort car la mort et l'âge ont éprouvé ce vicariat.

L'arrivée des troupes françaises va bien améliorer le ravitaillement, mais le prix des denrées et objets de toute nature est encore à un niveau inabordable pour le peuple et pour les pauvres que sont les missionnaires. Le P. Seitz, qui assure à ses parents qu'il est toujours en parfaite santé et que son moral est excellent, reconnaît tout de même qu'il ne pèse plus que soixante-quatre kilos, soit vingt de moins que lorsqu'il était au repos dans les Alpes ; mais il est de ces tempéraments qui résistent le mieux au climat d'Indochine.

Il apprend, par contre, et bien tardivement, que sa famille a cruellement souffert des restrictions durant la guerre en France, et continue à en souffrir longtemps encore après la Libération. Le résultat de cette épreuve de la faim et du froid est que Suzanne, la femme de Pierre, a eu une pleurésie, suivie d'une petite lésion au poumon, et leur fils Jean une péricardite — maladie qui est au cœur ce que la pleurésie est au poumon. L'un et l'autre ont dû être évacués vers Pau, pour y suivre un traitement adéquat, comme Paul l'avait été en son temps vers les

Nhiều lúc, ông phải dừng lại vì đám đông xen lẫn quanh ông. Nụ cười xen lẫn nước mắt, giây phút thật cảm động.

Cha Seitz đã viết như sau:

“ Binh lính của sư đoàn 2 Thiết Giáp chưa bao giờ thấy một sự chào đón nồng nhiệt như thế kể từ năm 1944 ở Paris. Sự giải phóng này được thực hiện không một tiếng súng, nhờ có các ký kết giữa các chính phủ Trung Hoa và Pháp, và giữa Việt Minh và Pháp.”

Thực ra tướng Leclerc đã ký kết thành công, vào ngày 13 tháng 3, một thỏa ước với nước Tàu của thống chế Trương Giới Thạch, cũng như với phái bộ của chính phủ Hồ Chí Minh trên chiếc tàu chiến của ông.

Cha Seitz viết tiếp:

“ Vai trò chánh xứ chính tòa đã cho tôi cơ hội gặp gỡ với mọi người. Cùng với Đức Cha Chaize và 2 giám mục khác đang tẩn cư tại Hà Nội, tôi đã được tiếp kiến tướng Leclerc 4 ngày sau khi ông vào Hà Nội. Một cuộc gặp gỡ đầy khích lệ và thân tình.”

Mỗi thánh lễ trọng thể đều được cử hành tại nhà thờ chính tòa. Với một niềm vui sâu đậm, tôi đã gặp lại các huynh đệ của tôi từ thời còn ở chủng viện đường Du Bac trong nhóm các cha tuyên úy đi theo đoàn quân. Nhờ họ tôi mới có một cái nhìn về “ lịch sử nước Pháp ” từ năm 1940. Bốn người trong số các cha tuyên úy ấy sẽ ở lại phục vụ trong giáo phận Hà Nội. Chúng tôi đang cần sự trợ giúp này vì giáo phận đã chịu nhiều mất mát do tuổi tác và chết chóc.”

Sự hiện diện của quân đội Pháp đã cải thiện được tình hình tiếp tế, nhưng giá cả của thực phẩm và các đồ dùng đủ loại còn ở một mức giá vượt khỏi tầm tay của dân chúng và của các người nghèo như các linh mục thừa sai. Cha Seitz, dù vẫn trấn an cha mẹ là còn mạnh khỏe và tinh thần vững mạnh, cũng phải thừa nhận mình chỉ còn 64 kg, tức là mất 20 kg so với lúc nghỉ dưỡng trên núi Alpes; nhưng Ngài là một trong những người có thể chịu đựng tốt nhất khí hậu Đông Dương.

Ngược lại, Ngài biết tin, rất trễ về sau, gia đình mình đã chịu đựng rất nhiều thiếu thốn trong cuộc chiến, và vẫn còn chịu đựng lâu sau Ngày Giải Phóng. Hậu quả của đói kém và lạnh lẽo đã làm cho Suzanne, vợ của Pierre, bị sung phổi, và sau đó có một vết nám ở phổi. Còn Jean, con trai của Suzanne, thì bị viêm màng tim. Cả hai phải được chuyển đi Pau để được điều trị đúng mức, giống như Ngài lúc trước phải đi dưỡng bệnh trên núi Alpes. Và còn biết bao

Alpes. Et combien d'autres, en ce temps de guerre en France, ont été éprouvés ainsi, et en sont morts, car les antibiotiques n'existaient pas alors.

Mais les Français sont insouciant, souligne encore Pierre. Nous semblons trop ignorer le « aide-toi, le Ciel t'aidera ». Le maréchal Pétain, aujourd'hui condamné à la détention perpétuelle, a dit : « On s'est servi plus qu'on n'a servi : voilà l'une des causes de notre malheur. » Je pense que la République est le règne de l'incompétence et du mensonge, et je ne suis pas prêt de changer d'avis.

Le Père Paul a souffert en découvrant ce qu'enduraient les Français de France, et sa famille en particulier. Il a souffert encore en recevant des photos de sa chère ville du Havre et des destructions qu'elle a subies, en particulier de sa maison natale, face à la gare.

Avec émotion, écrit-il, j'ai regardé toutes ces vues qui me sont familières; j'ai reconnu tous ces lieux où s'est écoulée mon enfance : que de ruines accumulées ! Il faut vraiment que l'homme soit profondément blessé par le péché originel, il faut vraiment croire qu'il est quelque peu en état de démence, pour ainsi appliquer farouchement son intelligence, ses énergies, ses richesses au mal, à la destruction ! Que de milliards engloutis en vain ! Que de vies gâchées, Seigneur ! Et quand je vois tout le bien, tout le travail d'amour qu'il serait possible, nécessaire, urgent d'accomplir, je reste stupéfait. Ou plutôt, non: je vois, je palpe la réalité effrayante des conséquences du péché dans le monde ; des péchés des hommes. Le désordre moral est la seule, l'unique cause qui explique un tel désordre physique. Que je suis heureux d'être prêtre pour n'avoir d'autre but, d'autre ambition que de redonner un peu d'amour à cette humanité qui se meurt de vices et de haine !

Au début de l'été 1946, Mgr Chaize estime que quelques semaines de détente en France feraient du bien au curé de sa cathédrale et qu'il pourrait échapper à la pénible mousson, si fatigante, pour jouir de l'été normand ; il en profiterait pour revoir sa famille, évidemment, mais aussi et surtout pour faire de nombreux achats de matériel introuvable au Tonkin pour l'imprimerie, ainsi que des livres pour faire tourner la librairie. Puisque c'est l'obéissance qui le lui commande, le Père accepte avec entrain et, grâce aux facilités de transports de l'armée, fait un voyage rapide. Sept ans d'absence : les retrouvailles avec ses parents, avec

nombreux autres, aussi, ont été éprouvés ainsi, et en sont morts, car les antibiotiques n'existaient pas alors.

Pierre nhấn mạnh:

“Tuy nhiên dân Pháp vẫn thân nhiên. Hình như chúng ta không màng đến câu “hãy tự giúp mình, rồi Chúa sẽ giúp”. Thống chế Petain, hôm nay đã bị kết án chung thân, đã nói: “Người ta tự phục vụ mình nhiều hơn là phục vụ người khác: đó là một trong những nguyên nhân nổi bật hạnh của chúng ta.” Tôi nghĩ rằng Chế Độ Cộng Hòa là một chế độ bất tài và lừa dối, và tôi chưa sẵn sàng thay đổi ý kiến.”

Cha Paul Seitz đã rất đau khổ khi biết những gì dân Pháp tại bản quốc đã phải trải qua, đặc biệt gia đình mình. Ngài còn đau khổ hơn khi nhận được những tấm hình của thành phố Le Havre thân yêu, các đồ nát nó đã gánh chịu, nhất là ngôi nhà nơi Ngài sinh trưởng, đối diện nhà ga.

Ngài viết:

“Lòng đầy cảm xúc, con nhìn những cảnh vật quen thuộc; con nhận ra các nơi chốn của thời thơ ấu: biết bao nhiêu là đồ nát chông chát! Quả thật nhân loại đã bị hằn sâu bởi vết thương của tội nguyên tổ, quả thật phải tin rằng nhân loại đang ở trong trạng thái điên khùng mới có thể vận dụng hết trí thông minh, nghị lực, tài sản của mình vào sự dữ, sự phá hoại! Biết bao tiền bạc của cái đồ sạch một cách vô ích! Bao nhiêu cuộc đời bỏ phí, lạy Chúa! Trong khi con thấy bao nhiêu điều tốt lành, bao nhiêu hoạt động vì tình thương có thể được thực hiện, những việc cần thiết, gấp rút phải làm, con cảm thấy choáng váng. Hay đúng hơn: con thấy, con chạm đến thực tế khủng khiếp do hậu quả của tội lỗi trên thế giới, tội lỗi của con người. Chỉ có thể nói rằng sự rối loạn đạo lý là nguyên nhân duy nhất dẫn đến một rối loạn về vật chất như thế. Quả thật con hạnh phúc được làm linh mục để không có một mục đích, một tham vọng nào khác ngoài đem lại chút tình yêu thương cho nhân loại này, đang chết dần chết mòn vì thói xấu và hận thù!”

Đầu mùa hè 1946, Đức Cha Chaize nghĩ rằng vài tuần lễ nghỉ ngơi bên Pháp sẽ đem lại sức khỏe cho cha sở nhà thờ chính tòa và Ngài có thể thoát khỏi sự khó chịu của gió mùa để hưởng mùa hè vùng Normandie; Ngài cũng có thể nhân dịp này gặp lại gia đình, tất nhiên, và nhất là mua sắm nhiều thứ vật dụng tối cần cho nhà máy in không thể tìm thấy ở Bắc Bộ, cũng như sách vở cho hoạt động của nhà sách. Do đức vâng lời, Ngài đã mau mắn chấp nhận lời đề nghị của Đức Cha, và nhờ các phương tiện vận chuyển của quân đội, Ngài đã thực hiện một chuyến đi nhanh chóng. Sau 7 năm xa cách: các cuộc gặp gỡ với cha mẹ, với

Pierre et Annette, sont émouvantes ; mais la nouvelle separation plus dure encore que la précédente : n'est-ce pas la dernière fois qu'il revoit sa mère, dont la santé est bien délicate, et qui a été très éprouvée elle-même par les restrictions de la guerre ?...

Il retrouve néanmoins avec bonheur, en novembre, son ministère à Hanoi, où il se sent chez lui, bien que la situation y soit encore fort précaire.

Si nous assistons à la ruine d'une époque qui est révolue, du moins nous gardons le ferme espoir que l'oeuvre de Dieu s'accomplit quand même dans le secret des âmes, par l'effet de ces épreuves et de cette souffrance rédemptrice. C'est la tempête, mais la tempête grise le vrai marin ; au fond de l'âme demeurent la joie et l'espérance.

« La ruine d'une époque », dit-il. C'est bien de cela qu'il s'agit. De longues tractations politiques, au cours de l'année 1946, vont aboutir à un modus vivendi signé à Fontainebleau : la France, mise devant le fait accompli des soulèvements sporadiques des Annamites soudoyés par la Chine communiste, accorde l'autonomie au royaume du Cambodge, à celui du Laos, et au Vietnam — ce dernier composé de l'Annam, du Tonkin et de la Cochinchine, — qui deviennent des États associés au sein de l'Union française. Marché de dupes... Le mouvement nationaliste viet-minh, avec Hồ-Chi-Minh à sa tête, aidé par la Chine populaire, réclame bien vite une indépendance totale et entre en lutte ouverte contre la France. Les hostilités explosent et la guerre d'Indochine ne se terminera qu'après la défaite humiliante de Dien Bien Phu, le 7 mai 1954, suivie de celle des États-Unis. Elle aura fauché l'élite de l'armée française — dont le fils aîné du général Leclerc et le fils unique du général de Lattre de Tassigny, lui-même nommé haut-commissaire en Indochine — et consommé la ruine du pays passé entièrement sous régime communiste pour plus d'un demi-siècle.

Faut-il préciser dès maintenant que les missionnaires catholiques et leurs fidèles seront parmi les victimes les plus visées du régime qui s'installe ouvertement en cette fin d'année 1946...

Déjà, le Père Seitz constate que, malgré la présence des soldats français qui assurent la sécurité de leurs compatriotes, 80 % de ses fidèles ont fui la capitale du Tonkin, soit pour gagner le Sud, soit pour rentrer en métropole, abandonnant dans les pires conditions leurs biens qui sont pillés. Des militaires viennent à la messe et le Père stimule leurs convictions ; il reprend ses aumôneries auprès des établissements de religieuses qui ont été bien malmenées durant ces derniers mois ; il réorganise librairie, imprimerie, orphelinat, se heurtant à des difficultés insurmontables, car seule la ville de Hanoi est libérée, les environs étant toujours

Pierre và Annette thật là cảm động; nhưng sự chia ly sắp tới còn đau hơn lần trước: có phải đây là lần cuối Ngài gặp mẹ, mẹ đã yếu đi nhiều vì những năm tháng thiếu thốn trong chiến tranh?

Dù sao, vào tháng 11, Ngài cũng hạnh phúc quay về sứ vụ của mình ở Hà Nội, nơi đây Ngài cảm thấy là nhà mình, đâu rằng tình hình vẫn còn rất mong manh.

Nếu chúng ta chứng kiến sự điêu tàn của một thời kỳ đã qua, ít nhất chúng ta cũng đặt niềm hy vọng vững chắc rằng công việc của Chúa vẫn được thực hiện cách thâm kín trong các tâm hồn, nhờ hiệu quả của các thử thách và của khổ đau cứu chuộc. Đây là cơn bão, nhưng chính cơn bão lại làm ngậy ngát người thủy thủ thực thụ; nơi sâu thẳm tâm hồn, niềm vui và hy vọng vẫn còn đó.

Ngài nói đến «sự điêu tàn của một thời kỳ». Đó chính là điều đang xảy ra. Nhiều cuộc mặc cả chính trị trong năm 1946 đã dẫn đến thỏa ước ký kết tại Fontainebleau: nước Pháp, bị đặt trước việc đã rồi vì những cuộc nổi dậy lẻ tẻ của người Việt được Trung Cộng chiêu mộ, đã chấp thuận sự tự trị của vương quốc Cam Bốt, Lào và Việt Nam – Việt Nam bao gồm Trung Phần, Bắc Phần và Nam Phần – từ nay trở thành các quốc gia liên minh trong Liên Hiệp Pháp. Một phiên chợ lừa Phong trào Việt Minh, với Hồ Chí Minh đứng đầu, được Trung Cộng hỗ trợ, đã nhanh chóng đòi quyền độc lập hoàn toàn và tiến hành chiến tranh công khai với Pháp. Các hành động thù địch nổ ra nhanh chóng và cuộc chiến Đông Dương chỉ kết thúc sau thảm bại nhục nhã tại Điện Biên Phủ vào ngày 7/5/1954, sau đó đến lượt Hoa Kỳ. Cuộc chiến ấy đã lấy đi tinh hoa của quân đội Pháp – trong đó có trưởng nam của tướng Leclerc và con trai duy nhất của tướng De Lattre de Tassigny, người được bổ nhiệm làm Cao Ủy Đông Dương – kéo theo sự điêu tàn của đất nước này khi hoàn toàn rơi vào tay của chế độ cộng sản trong vòng hơn nửa thế kỷ.

Phải nói rõ rằng từ đây các vị thừa sai Công giáo và các tín hữu sẽ là những nạn nhân bị bách hại nhiều nhất của chế độ đã được thiết lập công khai từ cuối năm 1946...

Từ đầu, Cha Seitz đã nhận định rằng, mặc dù quân Pháp vẫn còn hiện diện để bảo đảm an ninh cho đồng hương của mình, 80% tín hữu của Ngài phải chạy khỏi thủ đô Bắc Bộ, hoặc vào Nam sinh sống, hoặc trở về mẫu quốc, bỏ lại đằng sau sản nghiệp của mình trong những điều kiện tồi tệ nhất, mặc cho người ta cướp phá. Cha ủy lạo các quân nhân đến tham dự thánh lễ và Ngài tái kích hoạt sứ vụ tuyên úy với các dòng nữ, đã bị đối xử tàn tệ trong các tháng qua; Ngài tổ chức lại nhà sách, nhà in, viện mồ côi, đương đầu với muôn vàn khó khăn tưởng như không thể vượt qua, bởi vì lúc ấy chỉ có thành phố Hà Nội là được giải

la proie des terroristes, indépendantistes et communistes qui n'hésitent pas à assassiner et dépouiller les Blancs qui s'aventurent. Il ne peut donc sortir et rejoindre ses oeuvres extérieures. Il constate que le peuple annamite ne s'est rallié au Viêt-minh que par la terreur et qu'il réalise déjà dans quelle souricière il s'est engagé. Paul écrit à ses parents le 1^{er} décembre:

Ce que je prévoyais se réalise point par point : une entente avec le Viêtminh, qui n'est autre que le parti communiste déguisé, violemment antifrançais, s'avère impossible. À la lumière des « incidents » qui se multiplient depuis plus d'un an, l'évidence se fait.

Actuellement, Haiphong et Lang-Son sont complètement repris par l'autorité française. Hanoi est une ville quasiment en état de siège — ou du moins d'alerte. Les services administratifs ont pris toute disposition pour un repli éventuel dans la brousse. L'armée viêt-minh prépare la défense. La population évacuée. Hanoi a un aspect sinistre. Tout le monde sait que bientôt ce sera le carnage. Mais le corps expéditionnaire monte la garde : nuit et jour, les rues sont sillonnées par les patrouilles et les blindés. D'une minute à l'autre, de jour ou de nuit, nous attendons l'incident, l'étincelle qui mettra le feu aux poudres. Nous revivons donc les heures tragiques de mars 1945 et août-septembre 1945. C'est la vie dangereuse dans toute sa splendeur — ou plutôt sa laideur !

Évidemment, les hommes de main, les « exécuteurs » du Parti ont des vues sur la Mission catholique. On nous dit qu'ils tenteront un coup à l'heure H. Nous ne doutons pas de leurs intentions : l'Église est l'ennemi n° 1. Ils ont cependant moins de chances de réussir que l'an dernier, où tout nous était hostile. Cette année, une bonne partie de la population annamite est pour nous, la force française tient la ville, et enfin nous avons pris nos précautions.

Le tableau que le Père décrit dans cette lettre ne fait que s'assombrir dans les jours et les semaines suivantes, le divorce entre la France et le Viêt-minh est consommé : ce dernier procède à l'évacuation forcée de la population civile annamite ; il édifie des barricades dans les rues, rendant la circulation très difficile ; des chaussées sont minées. Les troupes françaises évitent toute provocation, mais sont sur le pied de guerre. Les missionnaires eux-mêmes ont reçu la consigne de se munir, très ouvertement, d'un armement, montrant qu'ils useraient de leur droit de légitime défense en cas d'attaque personnelle chez eux. Cette détermination rassure les gens des alentours, qui viennent nombreux chercher asile à la mission, où sont logés, par ailleurs, soixante-dix jeunes orphelins.

phóng, còn các vùng lân cận luôn làm mối cho bọn khủng bố, các thành phần cực đoan đòi độc lập, và đám cộng sản, những kẻ không góm tay ám sát và lột sạch người Da Trắng nào dám mạo hiểm đến các vùng đó. Như thế, Ngài không thể đi ra và thực hiện các sứ vụ bên ngoài. Ngài nhận thấy rằng dân Việt chỉ theo Việt Minh do sợ hãi và họ cũng biết mình đang rơi vào một cái bẫy. Ngài đã viết cho cha mẹ vào ngày 1 tháng 12 như sau:

“Những gì con đoán trước đang xảy ra y chang: một sự thỏa hiệp với Việt Minh, một đảng cộng sản trá hình, chống Pháp quyết liệt, là một việc bất khả thi. Dưới ánh sáng của các “đụng độ” càng ngày càng gia tăng từ hơn một năm nay, sự thật đã được phô bày hiển nhiên.

Hiện tại, Hải Phòng và Lạng Sơn đã hoàn toàn được Pháp chiếm lại. Hà Nội coi như là một thành phố bị bao vây – hoặc ít nhất trong tình trạng báo động. Các cơ quan hành chính đã sẵn sàng dờn vô bưng. Bộ đội Việt Minh chuẩn bị phòng thủ. Dân chúng tản cư. Hà Nội mang một bộ mặt ảm đạm. Mọi người đều biết rằng sắp có chém giết. Tuy nhiên quân đội viễn chinh luôn canh gác: suốt ngày đêm, các toán lính và thiết giáp tuần tiễu liên tục trên các đường phố. Từng giờ từng phút, bất kể ngày hay đêm, chúng con chờ đợi sự cố, một tia lửa sẽ châm thùng thuốc nổ. Chúng con đang sống lại những giờ phút bi thảm của tháng 3 năm 1945 và tháng 8, tháng 9 năm 1945. Một cuộc sống nguy hiểm trong tất cả sự huy hoàng của nó – hay đúng hơn là sự xấu xa của nó.

Tất nhiên, bọn đầu trộm đuôi cướp, bọn “sát thủ” của Đảng đã nhắm nhe cơ sở Nhà Chung. Người ta báo rằng chúng sẽ hành động vào giờ “H”. Chúng con không nghi ngờ gì về ý định của chúng: Giáo Hội là kẻ thù số 1. Tuy nhiên chúng sẽ có ít cơ hội hơn năm trước, lúc mà tất cả đều thù nghịch với chúng con. Năm nay, một phần đông dân Việt đứng về phía chúng con, và lực lượng Pháp đang nắm giữ thành phố, ngoài ra chúng con cũng đã chuẩn bị cẩn thận.”

Bức tranh mà Cha đã mô tả trong bức thư này chỉ càng ngày càng đen tối hơn qua các ngày và tuần lễ kế tiếp, sự chia rẽ giữa Pháp và Việt Minh đã lên đến đỉnh điểm: Việt Minh ép buộc tất cả dân bản xứ tản cư; chúng dựng các chướng ngại vật trên đường phố, gây cản trở lưu thông; nhiều đường phố bị gài mìn. Các lực lượng Pháp tránh tất cả mọi hành động gây hấn, nhưng luôn sẵn sàng ứng chiến. Các cha thừa sai cũng nhận được lời cảnh báo phải thủ sẵn vũ khí, điều này cho thấy rằng các Ngài cũng sẵn sàng tự vệ chính đáng nếu bị tấn công tại nhà. Biện pháp quyết liệt này khiến cho dân cư các vùng lân cận an tâm, và nhiều người đã tìm đến lánh nạn trong Nhà Chung, nơi đã có sẵn 70 trẻ mồ côi tá túc.

Au soir du 19 décembre 1946 explose l'insurrection viêt-minh, sourdement, sournoisement et minutieusement préparée dans ses moindres détails. L'électricité est coupée sur toute la ville, la fusillade, brusquement, crépite dans toutes les rues. Cinq minutes se sont écoulées que, déjà dans toute la ville, les blindés français entrent en action et ripostent. Au canon, à la mitrailleuse lourde, ils éventrent et abattent les maisons suspectes, culbutent et écrasent les barricades, attaquant les quartiers de la ville que les Viêts ont transformés en fortins. C'est un vacarme étourdissant.

Toute la nuit, les missionnaires veillent et prient, l'arme à la main, prêts à défendre les enfants et les familles qu'ils ont pris sous leur protection. Celles-ci, en retour, leur révèlent qu'un groupe de cinquante « volontaires de la mort » fanatisés est caché dans une maison voisine, tout spécialement chargé du massacre des Pères de la mission ; il n'attend qu'une accalmie pour lancer l'assaut.

Sinistre veillée, au son des blindés qui foncent dans les rues, des armes qui crachent le feu, des maisons qui s'écroulent ou s'enflamment, provoquant les cris de terreur des habitants. La bataille fait rage toute la journée du lendemain et la nuit suivante. Au matin du 21, on aperçoit deux « volontaires de la mort » qui viennent d'escalader le mur de la mission et sont dans le jardin, armés de grenades. Ils ont été aperçus par un poste militaire français qui assure la garde d'un garage voisin et qui intervient aussitôt : l'un des assaillants est abattu, l'autre prend la fuite — ce qui refroidit leurs complices.

Le 23 seulement, la barricade de la place de la Cathédrale est dégagée, la mission sécurisée. Le Père curé s'aventure dans les rues, pour y découvrir un spectacle de désolation : maisons écroulées, mobilier et linge dispersés, arbres abattus, égouts éventrés car les Viêts s'y infiltraient : on ne reconnaît plus la si agréable capitale d'il y a peu de temps encore. Plus terrible : le Père découvre que des familles entières, soit françaises, soit métisses, soit annamites francophiles ont été atrocement massacrées : hommes, femmes, enfants, vieillards, nul n'a trouvé grâce devant la rage xénophobe des Viêts. D'autres ont disparu, emmenées comme otages, on ne sait où.

La ville, même libérée, est loin d'offrir toute sécurité. Le système de guérilla, parfaitement mis au point par le Viêt-minh durant les mois où ils « amusaient » la galerie par leurs discussions, leurs dérobades, leurs sourires sournois, est une arme terrible. L'ennemi est caché partout où on ne l'attend pas, il connaît les dédales des ruelles, les défilés par lesquels il peut s'échapper après avoir fait son mauvais coup, sans craindre d'être repéré. Il est insaisissable. Le travail des

Vào chiều tối ngày 19 tháng 12 năm 1946 nổ ra cuộc khởi nghĩa Việt Minh, lặng lẽ, xảo trá và đã được chuẩn bị kỹ lưỡng từng chi tiết nhỏ. Điện bị cúp trong toàn thành phố, tiếng súng bùng nổ rền trên tất cả các phố phường. Chỉ 5 phút sau, trong toàn thành phố, các xe thiết giáp Pháp đã xuất hiện và phân công. Với súng đại bác, súng đại liên, họ đã bắn bay và triệt hạ những ngôi nhà tình nghi, đánh sập các rào chắn, tấn công các khu phố mà Việt Minh đã biến thành chiến lũy. Cả một sự náo động kinh hồn.

Cả đêm các cha thừa sai canh thức và cầu nguyện, khí giới cầm tay, sẵn sàng bảo vệ các trẻ em và các gia đình mà các Ngài đã nhận che chở. Các gia đình này cũng đã báo cho các Ngài biết là có một nhóm 50 “cảm tử quân” quá khích đang trốn trong một ngôi nhà bên cạnh, nhận nhiệm vụ đặc biệt để tàn sát các cha trong khu Nhà Chung; chúng chỉ đợi một đợt yên ắng để mở cuộc tấn công.

Một đêm canh thức buồn thảm, trong tiếng xe thiết giáp đang gầm vang trên phố, các vũ khí đang khạc đạn, các ngôi nhà đang đổ sập hay bốc cháy, tiếp theo là tiếng la hét kinh hoàng của dân cư. Cuộc chiến diễn tiến cả ngày hôm sau và đêm sau nữa. Sáng ngày 21, người ta nhìn thấy 2 tên “cảm tử quân” vừa leo lên tường khu Nhà Chung và lọt vào vườn, lưng mang lựu đạn. Chúng đã bị một chốt quân đội Pháp đang giữ an ninh cho một gara bên cạnh phát hiện, lập tức can thiệp: một tên bị bắn hạ, tên còn lại chạy thoát – và làm cho toán còn lại khiếp vía.

Đến ngày 23, mới dỡ bỏ các rào chắn gần nhà thờ Chánh Tòa, khu Nhà Chung được bảo vệ an toàn. Cha sở mạo hiểm đi ra ngoài phố, để khám phá một cảnh tượng tiêu điều: nhà cửa đổ sập, đồ đạc áo quần vương vãi tứ tung, cây cối bị đốn ngã, cống rãnh phơi bày gan ruột vì Việt Minh chui trốn trong đó: người ta không còn nhận ra thủ đô mới ngày nào đây còn rất thân thiện nữa. Khủng khiếp hơn: cha đã nhìn thấy nhiều gia đình, Pháp có, lai có, Việt theo tây có, đã bị tàn sát dã man, không phân biệt đàn ông, đàn bà, hay người già, trẻ con, chẳng một ai được nương tay trong cơn giận dữ điên cuồng của bọn Việt minh bài ngoại. Nhiều người khác đã mất tích, có thể bị bắt làm con tin, không biết bị đưa đi đâu.

Thành phố, dù đã được giải phóng, còn lâu mới an toàn. Hệ thống chiến tranh du kích, được Việt Minh khởi phát tài tình trong những tháng ngày mà chúng “diễn tuồng” bằng các buổi tranh luận đánh lạc hướng, những nụ cười gian xảo, đã trở thành một vũ khí khủng khiếp. Kẻ thù ẩn núp khắp nơi trong những chỗ không ai ngờ tới, chúng thuộc lòng tất cả các ngõ ngách, qua đó chúng có thể xuất thủ bất ngờ, không sợ bị phát hiện. Chúng không thể bị bắt. Công việc của

soldats chargés du nettoyage est à recommencer chaque jour dans une guerre de labyrinths où l'embuscade est partout.

La première visite du Père est pour l'hôpital. Il trouve à la morgue les corps de quinze Français, affreusement mutilés, qui ont été massacrés dans leurs maisons.

Je ne savais pas, écrit-il, que la sauvagerie, la bestialité humaine pouvait aller si loin, si bas surtout ! Il ne serait pas décent de donner plus de détails...

Tandis qu'il visite les salles des malades, l'alerte sonne : l'hôpital est attaqué de trois côtés.

Ce fut un beau cirque ! raconte-t-il. Des convalescents en pyjama ; des semi-valides armés d'un fusil, abrités derrière une colonne, font le coup de feu ; dans le jardin les blindés, venus de suite à la rescousse, tirent bandes sur bandes. Mais où est l'ennemi ? Là, regardez dans cet arbre... là-haut dans le château d'eau... sur cette toiture... ; on le voit, on croit le voir partout, mais en fait on ne sait où il se tient. Ce qui est certain, c'est que les balles vous sifflent aux oreilles.

C'est Noël ! Un poste radio émetteur a été installé d'urgence à la mission transformée en bunker et on demande au curé de la cathédrale de donner un message :

Noël, fête de douceur et de pureté ! Noël, fête de tendresse et de paix! Noël où l'intimité se fait plus douce au foyer devant la joie des petits enfants ! Noël enfin et surtout, où le Ciel, par la voix du divin Enfant, rappelle au monde son pressant message d'amour, de réconciliation et de paix!

Comment évoquer de si purs et si nobles sentiments, alors que de sinistres lueurs d'incendie font rougeoier notre ciel, qu'au lieu des chants très doux, le bruit de la mitraille couvre nos voix et qu'en nos coeurs pèse l'angoisse de l'horrible nécessité de la lutte fratricide ! Quelle dérision !

binh lính với nhiệm vụ tảo thanh đường phố phải luôn bắt đầu lại hàng ngày trong một trận chiến đầy mê cung mà các điểm phục kích thì có thể xuất hiện bất cứ đâu.

Cuộc viếng thăm đầu tiên của Cha Seitz là bệnh viện. Ngài tìm thấy nơi nhà quần thi thể của 15 người Pháp, bị xà xẻo một cách dã man, họ đã bị tàn sát ngay trong nhà họ.

Ngài viết:

"Tôi không thể hiểu được tại sao sự tàn bạo, thú tính con người có thể đi xa đến thế, thấp hèn đến thế! Thật là thiếu khiếm nhã nếu phải tả thêm chi tiết..."

Trong lúc Ngài đang thăm các phòng bệnh, thì có tiếng chuông báo động: bệnh viện đang bị tấn công từ 3 phía.

Ngài kể tiếp:

"Thật là một buổi diễn xiếc đẹp đẽ! Bệnh nhân hồi sức còn mặc đồ ngủ; những người bệnh nhẹ thì tay cầm súng, núp sau cột, nã đạn; trong vườn các xe thiết giáp, vừa chạy tới giải cứu, xả súng liên hồi. Nhưng kẻ thù ở đâu? Kia kia, trên cành cây ... trên tháp nước ... trên mái nhà...; người ta nhìn thấy chúng, tưởng là nhìn thấy chúng khắp nơi, nhưng thật ra chẳng biết chúng ở đâu cả. Chỉ có một điều chắc chắn là đạn đang réo ngang tai."

Giáng Sinh đến rồi! Một đài phát thanh đã được lắp đặt tạm thời tại Nhà Chung, lúc này đã trở thành một hầm trú ẩn và người ta yêu cầu cha sở nhà thờ chính tòa cho một thông điệp:

"Giáng Sinh, ngày lễ của sự dịu dàng và thanh khiết! Giáng Sinh, ngày lễ của yêu thương và hòa bình! Giáng Sinh, ngày lễ mà tình thân càng ngọt ngào thêm trong mái ấm trước cảnh sum vầy con cái! Cuối cùng, và trên hết, Giáng Sinh là lúc mà Trời, qua tiếng của Hài Nhi Giêsu, nhắc lại cho thế giới sứ điệp khẩn thiết của tình yêu, hòa giải và hòa bình!

Làm sao có thể nói lên những tâm tình cao đẹp và thanh khiết đến ngàn ấy, giữa lúc các đám cháy thế lương đang đổ rục cả bầu trời, và thay cho tiếng hát thánh thót, là tiếng súng liên thanh đang át đi tiếng nói của chúng ta và con tim chúng ta đang trĩu nặng nỗi lo về một cuộc chiến huynh đệ tương tàn đã trở thành hiện thực cần thiết ! Oái oăm thay!

C'est vrai... J'ai tout d'abord pensé ne pas pouvoir vous parler. Mais bien vite je me suis repris, car ma mission est d'être l'écho de Celui dont la voix a retenti pour la première fois dans le monde, il y a deux mille ans, écho qui doit dominer toutes les turpitudes humaines et, malgré tout, se faire entendre en tout lieu et en tout temps.

Oui, je dois, et je veux vous redire que Noël, c'est le jour qui commémore la plus incroyable révolution que le monde ait jamais connue : la Révolution par l'amour. Et cette Révolution, n'en doutez pas, commencée au berceau de Bethléem, n'a jamais cessé et ne cessera jamais de se propager dans le monde. Sans doute, il est des étapes dans l'histoire humaine où une autre révolution, la révolution par la haine, semble tout submerger, tout compromettre. Mais elle ne saurait vaincre finalement, car rien de durable ne se bâtit sur la haine ; elle n'engendre que sang, larmes et ruines !

La seule Révolution constructive, c'est celle inaugurée, il y a vingt siècles, par le Christ. (...) Il faut que nous soyons, nous aussi, des révolutionnaires ardents et convaincus : les révolutionnaires par l'Amour, les révolutionnaires du Christ. (...)

Durant de longues semaines encore, la guérilla continue, le nettoyage de Hanoi se poursuit, maison par maison, rue par rue, quartier après quartier ; l'armée française, dont la supériorité est incontestable, compte tout de même trois cents morts, et il y a aussi des civils tués. Du côté vietminh, les morts sont plus nombreux encore ; mais c'est une fourmilière dont les troupes sont inépuisables, alimentées toujours par la Chine toute proche. Il faudrait des troupes beaucoup plus nombreuses — que la France ne peut fournir — pour venir à bout de cette révolte.

Les destructions matérielles sont incalculables ; pas une maison des Européens n'a été épargnée : sinon détruite, au moins constellée de blessures ; quant aux maisons annamites, elles sont anéanties à quatre vingts pour cent. La capitale du Tonkin est une cité en ruine. Sur cent cinquante mille habitants que comptait la ville, il ne reste qu'une quinzaine de milliers d'Annamites. Ceux qui n'avaient pas fui avant la guerre se sont échappés au dernier moment — ou sont morts. Quant aux villages des alentours, les Viêts y ont pratiqué la tactique de la terre brûlée: il n'y a plus âme qui vive, les maisons ont été rasées ou brûlées, les routes coupées de tranchées.

Que pensent-ils, ces Annamites dont le Père Seitz commence à bien connaître le tempérament et les souhaits ? Une élite a bien compris qu'elle devait

Thật vậy ... lúc đầu tôi cho rằng mình không thể nói chuyện với anh chị em được. Nhưng rất nhanh sau đó, tôi đã nghĩ lại, vì sứ mệnh của tôi là phải trở nên tiếng vọng của Đấng mà hai ngàn năm trước đã hô vang lần đầu tiên trên thế giới, tiếng vọng ấy phải trấn áp tất cả mọi sự khốn nạn như bản của con người, và bất chấp tất cả, tiếng vọng ấy phải được lắng nghe mọi nơi, mọi lúc.

Đúng thế, tôi phải và tôi muốn lập lại rằng Giáng Sinh là ngày tưởng niệm cuộc cách mạng không tưởng nhất mà thế giới chưa bao giờ biết đến: cuộc cách mạng của tình yêu. Và cuộc cách mạng này, không nghi ngờ gì nữa, đã bắt đầu từ máng cỏ Bê Lem, chưa bao giờ ngừng và sẽ không bao giờ ngừng lan tỏa trên khắp thế giới. Tất nhiên, có những giai đoạn trong lịch sử nhân loại, một cuộc cách mạng khác, cuộc cách mạng của hận thù, dường như chôn vùi tất cả, phá hủy tất cả. Nhưng cuối cùng nó sẽ không thể chiến thắng, vì không có cái gì được xây dựng trên hận thù lại có thể tồn tại lâu dài; nó sẽ chỉ gây ra đổ máu, nước mắt và sự hủy diệt!

Cuộc cách mạng duy nhất có tính cách xây dựng, đó chính là cuộc cách mạng đã khởi nguyên cách đây 20 thế kỷ, bởi Đức Ki-tô. (...) Vì vậy, ước gì cả chúng ta nữa, chúng ta cũng trở nên những nhà cách mạng nhiệt thành và kiên vững: những nhà cách mạng bằng tình yêu, những nhà cách mạng của Đức Ki-tô (...)

Trong nhiều tuần lễ dài sau đó, cuộc chiến du kích vẫn tiếp tục, việc tảo thanh ở Hà Nội vẫn tiếp tục, từng căn nhà, từng con đường, từng khu phố; quân đội Pháp, dù sức mạnh vượt trội, cũng mất 300 binh lính, và có cả nhiều thường dân bị giết. Về phía Việt Minh, số người chết còn nhiều hơn nữa; nhưng nó giống như một ổ kiến mà nguồn binh lực không bao giờ cạn, và luôn được bọn Trung Cộng ngay sát bên tiếp tế. Cần phải có nhiều lực lượng hơn — mà nước Pháp không thể cung cấp — mới có thể dẹp được cuộc nổi loạn này.

Thiệt hại vật chất thì vô kể; không một ngôi nhà nào của người Pháp được bỏ qua: nếu không sụp đổ thì cũng đầy thương tích; còn nhà của dân bản xứ, cũng bị phá hủy đến 80%. Thủ đô của Bắc Bộ điêu tàn. Dân số trên 150 ngàn trước đây, giờ chỉ còn khoảng 15 ngàn người Việt. Những người đã không bỏ chạy trước cuộc chiến, rồi cũng phải trốn đi vào phút cuối — hay đã chết. Còn các làng mạc chung quanh, Việt Minh đã thực hiện chính sách tiêu thổ kháng chiến: không còn bóng dáng sự sống, nhà cửa bị cào bằng hoặc thiêu rụi, đường sá bị cắt khúc bởi giao thông hào.

Họ đang nghĩ gì, những người bản xứ mà cha Seitz bắt đầu biết rõ tính tình và ước vọng? Một thành phần ưu tú đã hiểu rằng họ phải cộng tác với Pháp và kẻ

collaborer avec la France et que l'ennemi de leur patrie, c'était le Viêt-minh, qui cherche à régner par la terreur. Mais la masse semble s'éloigner, car elle se laisse entraîner par une propagande antifrançaise effrénée, que les concessions accordées par la France n'ont fait qu'accréditer, car elles sont considérées comme une preuve d'impuissance. Le missionnaire, avec sa jeune expérience, préconise d'appliquer ce qu'il appelle

la judicieuse consigne donnée par nos vieux et splendides « colonisateurs » (le mot ne doit pas nous faire peur !), les Gallieni, les Lyautey : « Frapper fort à la tête, et rassurer les masses. » Or, ici, aujourd'hui, c'est la masse innocente qui est écrasée, et la tête demeure. Il faut d'urgence changer de méthode et poursuivre jusqu'au bout la lutte contre les responsables vietminhs. Les Annamites attendent cela.

La tête, ne l'oublions pas, c'est essentiellement Hồ-Chi-Minh. Ils attendent visiblement autre chose, assure le Père : la restauration monarchique de Sa Majesté Bao Daï. Le nom de l'empereur, démissionné par force, ou au moins par contrainte, en août 1945, est dans tous les esprits. L'Annamite est traditionaliste ; le Viêt-minh a bousculé la tradition ; sous prétexte de patriotisme et d'indépendance, il a secoué toutes les classes sociales et il en restera un appel à une formule nouvelle; mais le peuple ne veut pas d'une rupture totale et brutale avec le passé, comme le Viêt-minh le tente. Une monarchie constitutionnelle sagement dosée serait bien accueillie et opportune.

Quelle est la situation des missions à l'heure actuelle ? Six prêtres français du séminaire Saint-Sulpice de Hanoï, une religieuse française et quatre religieuses annamites, qui demeuraient dans la banlieue et n'ont pu être libérés à temps, ont été emmenés comme otages par les Viêts. Tous les prêtres, religieux et religieuses de Nam-Dinh, une mission voisine, ont disparu ; plusieurs églises ont été incendiées. Des missions plus lointaines, on est sans nouvelle.

À Hanoï, ce sont maintenant deux mille réfugiés qui sont secourus par la mission, qu'il faut loger, nourrir, vêtir, dont il faut assurer l'hygiène, surveiller la discipline. Le Père Seitz est sur tous les fronts, jeté dans une immense mêlée — pacifique cette fois, — responsable de l'ensemble des secours : c'est là qu'il se sent à son affaire ! C'est le genre de situation qui convient à son tempérament.

L'orphelinat Sainte-Thérèse, qu'il a fondé il y a trois ans, a rebondi de façon inattendue. Sur les trois cents enfants qu'il avait, deux cent soixante-dix se trouvaient à Son Tay, à quarante kilomètres de Hanoï : il en est sans nouvelles et cela l'angoisse. Que sont-ils devenus ? Ils sont sans argent, sans riz ; peut-être ont-ils été emmenés par les Viêts dans la brousse pour une « rééducation » à leur

thù của quê hương, chính là Việt Minh, những kẻ muốn thống trị bằng sự sợ hãi. Nhưng khối bình dân hình như xa dần, vì họ đã bị lôi cuốn theo tuyên truyền chống Pháp cực đoan, và các nhượng bộ mà chính phủ Pháp đưa ra chỉ làm tăng thêm uy tín cho Việt Minh, bởi chúng cho thấy Pháp thật sự đang bất lực. Vị thừa sai, với kinh nghiệm non trẻ của mình, khuyến khích áp dụng điều mà Ngài gọi là

'Cẩm nang của các bô lão và các "nhà thực dân" vĩ đại (từ này không nên làm cho chúng ta sợ hãi!), các nhân vật tiếng tăm như Gallieni, Lyautey: "Hãy đập đập cái đầu và trấn an quần chúng." Trong khi đó, ở đây, hôm nay, đám đông vô tội đang bị nghiền nát, còn cái đầu vẫn tồn tại. Phải cấp tốc thay đổi chiến thuật và theo đuổi đến cùng cuộc chiến chống những nhà lãnh đạo Việt Minh. Người dân Việt trông chờ điều đó.'

Cái đầu, xin đừng quên, chính là Hồ Chi Minh. Cha Seitz khẳng định: rõ ràng, họ còn trông chờ một việc khác nữa: hoàng đế Bao Đại tái lập nền quân chủ. Đại danh của hoàng đế, bị ép thoái vị bằng vũ lực, hay ít nhất vì miễn cưỡng vào tháng 8/1945, đang còn trong tâm trí mọi người. Dân Việt là một dân bảo thủ; Việt Minh đã đảo lộn truyền thống cha ông; viện cớ của lòng yêu nước và độc lập, họ đã làm lung lay tất cả các tầng lớp xã hội và kêu gọi lập ra một phương thức mới; nhưng dân chúng không hề mong muốn một sự đoạn tuyệt hoàn toàn với quá khứ, như là Việt Minh chủ trương. Một nền quân chủ lập hiến được định hình cách khôn ngoan sẽ được đón nhận và rất phù hợp.

Còn tình hình các giáo khu thì ra sao? 6 linh mục người Pháp của chủng viện Xuân Bích Hà Nội, 1 nữ tu người Pháp và 4 nữ tu người Việt, đang ở vùng ngoại ô và không được giải thoát kịp thời, đã bị Việt Minh bắt đi làm con tin. Tất cả các linh mục, nam nữ tu sĩ ở Nam Định, một giáo khu bên cạnh, đã mất tích; nhiều nhà thờ bị đốt cháy. Còn các giáo khu xa hơn, chẳng có tin tức gì.

Bây giờ ở Hà Nội có 2 ngàn dân tản cư đang được Nhà Chung cứu giúp, phải lo chỗ ở, cái ăn cái mặc, giữ gìn vệ sinh và duy trì kỷ luật. Cha Seitz có mặt ở khắp nơi, lao mình vào giữa đám đông hỗn tạp, tuy ôn hòa, và đảm nhận toàn bộ hoạt động cứu trợ: đúng là công việc mà Ngài ưa thích vì rất phù hợp với cá tính của Ngài.

Nỗi lo lắng về cô nhi viện thánh Têrêxa, mà Ngài lập ra cách đây 3 năm, đã xuất hiện trở lại một cách bất ngờ. Trong số 300 trẻ mồ côi mà Ngài phụ trách, có 270 em đang bị kẹt tại Sơn Tây, cách Hà Nội 40 km: Ngài không có tin tức gì về các em cả, và điều đó làm Ngài lo lắng. Tình hình các em bây giờ ra sao? Các em không có tiền, cũng chẳng có gạo ăn; cũng có thể chúng đã bị Việt Minh dẫn

manière. Le Père prie sainte Thérèse de les protéger et de les ramener un jour sains et saufs.

À Hanoi, ceux qu'il avait auprès de lui se sont multipliés par le fait de la guerre atroce, qui a tué tant de parents — et même d'enfants. Il regroupe les survivants dans le collège Puginier que les Frères des Écoles chrétiennes ont dû abandonner : ils seront bientôt cinq cents. Il doit réorganiser écoles, ateliers, infirmerie, jardin d'enfants, lingerie, placement des apprentis, etc. Mais comment nourrir tout ce monde?... La viande est à 2 500 F le kilo, les légumes sont inexistantes, le riz se raréfie... Alors, il mendie. Il mendie pour que cinq cents enfants ne le fassent pas à sa place, dans des conditions périlleuses : c'est le grand argument qu'il oppose à ceux qui s'étonnent de le voir contrarier la « sélection naturelle » et la « lutte pour la vie ». Évidemment, pour un esprit non chrétien, l'activité de « Cha Kim », le « Père d'Or » — comme l'appellent toujours les enfants — paraît incompréhensible. Aux pires moments, il a encore toutes les audaces et ne connaît jamais le découragement.

Ceci ne suffisant pas à ses activités, il réorganise la librairie catholique, et prend la direction d'une imprimerie contiguë. L'ensemble prend le nom de « Centre d'accueil de l'enfance annamite abandonnée ». Encore un point noir : le recrutement du personnel, de la direction, des maîtres. Il peut bien lancer la machine, mais il lui est indispensable d'être secondé et parfaitement compris quant à l'esprit qu'il inculque à tout ce qu'il entreprend.

Ce qui m'intéresse par dessus tout, dit-il, c'est l'éducation proprement dite des gosses, leur éveil humain, moral, spirituel. Le reste, tout le reste est nécessaire, sans doute, car il faut vivre et ce sont des milliers d'enfants que j'aurai un jour sur les bras. Mais j'entends bien rester à ma place: « prêtre, père des âmes ».

Je suis de nouveau lancé à fond, conclut-il, en ce mois de février 1947. Mais la bataille a quelque chose de plus âpre qu'autrefois. J'ai parfois l'impression de l'homme qui s'arc-boute pour soutenir un édifice qui croule. On ne sait ce que réserve le lendemain, que dis-je : la minute qui doit suivre. Qu'importe : il faut lutter dans la nuit ; il faut tenir. Le Seigneur nous demande cet acte de foi et d'amour.

vô bung và đang “được cải tạo” theo cách của họ. Ngài cầu xin thánh Têrêxa bảo vệ các em và đưa các em trở về nguyên vẹn.

Ở Hà Nội, đám trẻ mà Ngài chăm sóc đã tăng lên cấp số do cuộc chiến thảm khốc đã lấy đi mạng sống của biết bao cha mẹ - và kể cả em bé. Ngài tụ tập những đứa còn sống sót trong trường Puginier mà các sư huynh dòng La San đã phải rời bỏ: gần đến 500 em. Ngài phải tổ chức lại trường học, xưởng thợ, bệnh xá, vườn trẻ, nhà giặt, nơi chôn học nghề, v.v. Nhưng làm sao nuôi ăn tất cả mọi người đây? ... Thịt giá 2,500 quan một ký, rau cỏ không có, gạo thì hiếm ... Phải đi ăn xin thôi. Ngài đi ăn xin để 500 đứa trẻ của Ngài khỏi phải đi ăn xin, trong những hoàn cảnh đầy hiểm nguy: đó là một lý luận mạnh mẽ của Ngài đối với những ai ngạc nhiên thấy Ngài đi ngược lại nguyên tắc “sàng lọc tự nhiên” hay “chiến đấu mà sống”. Tất nhiên, đối với một người ngoại giáo, hoạt động của “Cha Kim”, hay “Cha Vàng”, như các em vẫn gọi, là không thể nào hiểu được. Vào những giờ phút bi thảm nhất, Ngài vẫn luôn táo bạo và không bao giờ nản chí.

Các hoạt động này đối với Ngài vẫn chưa đủ, Ngài còn tổ chức lại nhà sách công giáo, và điều hành một nhà in ở sát bên. Cả khu này được đặt tên là “Trung tâm tiếp nhận trẻ em Việt bị bỏ rơi”. Vẫn còn một vấn đề khó khăn: tuyển dụng nhân sự, ban quản trị, tìm thầy giáo. Ngài có thể khởi đầu công việc, nhưng Ngài cần phải có người giúp Ngài và nhất là hiểu được thấu đáo tinh thần mà Ngài muốn áp dụng trong tất cả các công trình Ngài thực hiện.

Ngài nói:

“Điều tôi quan tâm nhất, đó là sự giáo dục đúng nghĩa của các em để khơi dậy nơi các em tính nhân bản, lòng đạo đức và cuộc sống thiêng liêng. Thứ còn lại, tất cả các thứ còn lại tất nhiên cũng cần thiết, bởi vì cần phải sống, và sẽ đến ngày có hàng ngàn trẻ tôi phải lo. Nhưng tôi vẫn muốn ở trên cương vị của tôi: “linh mục, cha các linh hồn”.

Và Ngài tiếp:

“Tôi lại dần bước đến cùng vào tháng 2/1947 này. Nhưng cuộc chiến đấu còn cam go hơn trước. Có lúc tôi cảm thấy mình như một kẻ đang gồng mình chống giữ cho một toà nhà đang sập xuống. Khi không biết ngày mai sẽ như thế nào, hay nói đúng hơn, ngay giây phút kế tiếp. Mặc kệ: phải chiến đấu trong đêm khuya, phải kiên trì. Chúa đòi hỏi chúng ta thể hiện bằng chứng đức tin và đức mến này.

Parlant à la radio dimanche dernier encore, je disais à mes auditeurs que les chrétiens de notre temps devaient apporter au service du Christ la même énergie farouche, le même dévouement total, le même mépris de la vie et de la mort, que les vrais militants communistes. Nous, ici, nous les avons sous nos yeux, nous les voyons à l'oeuvre : c'est formidable ! Il faut que les enfants de Lumière combattent, au moins, comme les enfants de ténèbres. Si la foi et l'amour ne sont pas assez forts en nous pour nous mouvoir, au moins que l'instinct de conservation nous anime. Et que, si nous ne comprenons pas, alors, tant pis ! Nous en mourrons et nous ne l'aurons pas volé !

Ce n'est peut-être pas de l'éloquence, conclut-il, mais je me moque de l'éloquence, et j'espère au moins être compris.

L'armée française poursuit son travail de nettoyage des poches vietminhs et chinoises qui subsistent dans et autour de Hanoï ; elle encircle les centres de résistance, délivrant les populations, saisissant d'importants dépôts d'armes et de munitions de l'armée viet-minh qui est désorganisée, bousculée, démoralisée ; celle-ci n'en poursuit pas moins ses attaques de guérillas et de terrorisme, chassant les habitants des villages et les poussant vers les montagnes et la jungle où ils dépérissent sans toit ni nourriture autre que des racines et des plantes sauvages. Le Père Seitz assure que des centaines de milliers de pauvres gens errent ainsi dispersés dans le Nord-Tonkin:

C'est un désastre, une ruine effroyable, dit-il. Ce pauvre pays est littéralement vidé, épuisé. Nous assistons à une catastrophe historique dont beaucoup ne mesurent pas encore l'étendue. C'est l'effondrement d'un siècle d'effort et de travail.

En mars 1947, il peut risquer une sortie, avec son évêque, vers des villages de la banlieue où des chrétiens ont pu revenir : c'est une grande joie pour lui et pour tous — qui retrouvent leur bon sourire malgré les souffrances endurées ; mais les églises et les maisons détruites demanderont des années d'efforts pour être relevées.

Grâce à Dieu, difficultés et ruines ne font qu'exalter ma volonté de tenir ; je sens sourdre en moi sans cesse l'espérance. Nous en sortirons. L'essentiel est de garder une tête froide, de ne se laisser décourager par rien, de réagir après chaque coup. Et ainsi je pense et j'ose dire que la vie est belle et digne d'être vécue. Si elle ne l'est pas toujours en elle-même et pour elle-même, elle l'est

Trong lần phát thanh chủ nhật vừa rồi, tôi đã nói với thánh giả rằng các Ki-tô hữu thời nay phải phục vụ Đức Ki-tô, bằng một nghị lực dữ dội, một lòng tận tâm hoàn toàn, coi thường sự sống lẫn cái chết, như các chiến binh cộng sản thực thụ. Ở đây, chúng ta chứng kiến tận mắt việc họ làm: thật đáng kinh ngạc! Con cái ánh sáng phải chiến đấu ít nhất ngang bằng con cái của bóng tối. Nếu đức tin và đức mến không đủ sức vận dụng được chúng ta, ít ra bản năng sinh tồn cũng phải thúc đẩy chúng ta. Và nếu chúng ta vẫn không lãnh hội được điều này, thì thôi, thân kệ! Chúng ta sẽ chết và chúng ta đáng chết!”

Rồi Ngài kết luận:

“Điều tôi nói có thể không hùng hồn, nhưng tôi chẳng quan tâm đến chuyện hùng hồn hay không, tôi chỉ hy vọng được thấu hiểu.”

Quân đội Pháp tiếp tục công việc tảo thanh các chốt Việt Minh và Trung Cộng còn bám trụ ở trong và chung quanh Hà Nội; bao vây các điểm đối kháng, giải thoát dân chúng, tịch thu các kho súng ống và đạn dược của bộ đội Việt Minh, lúc này đã bị phân tán, đầy lùi và mất tinh thần: tuy nhiên bọn này vẫn thực hiện các cuộc tấn công du kích và khủng bố, đuổi dân ra khỏi làng mạc, đẩy họ lên vùng rừng núi bưng biển, nơi họ chết dần chết mòn do không nhà, không lương thực ngoài rễ cây và lá rừng. Cha Seitz quả quyết có hàng trăm ngàn dân nghèo lang thang rải rác trên các vùng Bắc Bắc Bộ:

“Đúng là một thảm họa khủng khiếp. Xứ sở nghèo nàn này hoàn toàn trống rỗng, kiệt quệ. Chúng tôi đang chứng kiến một thảm họa lịch sử mà nhiều người còn chưa lường được nó sâu rộng thế nào. Sự sụp đổ công trình xây dựng của cả 1 thế kỷ.”

Tháng 3 năm 1947, cùng với đức giám mục, Ngài mạo hiểm thực hiện một chuyến viếng thăm các làng mạc vùng ngoại ô, nơi mà nhiều người công giáo đã có thể quay về: đó là một niềm vui lớn lao cho Ngài và cho tất cả mọi người — họ đã tìm lại được nụ cười đôn hậu, mặc cho các khổ đau đã gánh chịu; nhưng các nhà thờ và nhà cửa bị phá hủy thì phải mất nhiều năm mới xây dựng lại được.

“Nhờ ơn Chúa, khó khăn và đổ nát chỉ làm bừng lên ý chí kiên định của tôi; tôi cảm thấy trong tôi luôn nảy sinh niềm hy vọng. Chúng ta sẽ vượt qua. Điều quan trọng là phải giữ cho đầu mình thật tỉnh táo, không để cho bất cứ điều gì làm mình nản chí, và lúc nào cũng sẵn sàng phản công. Nhờ suy nghĩ vậy nên tôi dám nói rằng cuộc đời vẫn đẹp và vẫn đáng sống. Nếu như không phải lúc nào cuộc đời cũng đẹp và đáng sống tự thân nó và cho riêng nó, thì nó vẫn đẹp và

quand même à cause de sa résonance et de son prolongement dans l’Au-delà. Tout est fonction de l’éternité.

Mort de sa mère

« L’éternité ! » Voici qu’après qu’il a vu mourir autour de lui tant et tant de ses enfants du Vietnam, elle vient frapper plus intimement à sa porte durant l’été 1947. Sa mère, si tendrement chérie, avec laquelle il partageait ses sentiments, ses confidences, son attrait invincible pour la vie surnaturelle, est partie vers le Ciel le 23 août, dans sa soixante-neuvième année. Un courrier du mois d’avril lui avait appris qu’elle était malade, mais elle s’était remise et il écrivait:

Je remercie Dieu de vous avoir gardés tous et d’avoir permis le rétablissement de Maman. Combien tu dois être fragile cependant, ma chère maman. Je n’ose y songer ! Que la volonté de Dieu soit faite...

Sois bien persuadée, en tout cas, que tes prières et sacrifices ont été pour moi, durant ces mois tragiques, un bouclier. Je peux dire que j’expérimente chaque jour le beau dogme de la communion des saints et de la réversibilité des mérites: tu es missionnaire en moi. Si j’ai été préservé et si j’ai pu tenir dans la tâche qui m’incombe, c’est parce que tu étais tout près de moi.

Un télégramme parvient le 24, moins de vingt-quatre heures après son envoi, alors que le Père Seitz vient de terminer la grand-messe du dimanche à la cathédrale. Si loin des siens, il ressent doublement la douleur de la séparation.

Notre chère maman n’est plus, écrit-il à son père, à son frère et à sa soeur. Elle n’est plus parmi nous, ici-bas. Mais si vous saviez comme je la sens toute proche. Il me semble que je ne l’ai jamais sentie si près de moi comme maintenant. Ma peine, ma tristesse, sont tempérées par je ne sais quel sentiment de paix et de fierté. Elle n’est plus, mais nous la reverrons, mais elle est plus nôtre que jamais, car elle est au Ciel, et le jour de sa mort n’a été que le jour de sa naissance pour une éternité de béatitude et de félicité. J’ai été le confident de maman et je sais combien son âme avait soif de Dieu. Ce désir de Dieu était une grâce d’En haut, un prélude de l’accueil que le Seigneur lui réservait. « Tu ne me chercherais pas si tu ne m’avais déjà trouvé. »

Oui, je suis triste avec vous, mais l’espérance chrétienne tempère ma peine et je voudrais que vous ayez ces mêmes sentiments pour vous aider et vous soutenir dans l’épreuve présente. Que Dieu vous accorde cette grâce par l’intercession

đáng sống vì nó là sự cộng hưởng và nối dài tới Cuộc Sống Đời Sau. Tất cả đều tùy thuộc vào đời sống vĩnh cửu.”

Mẹ Ngài qua đời

« Vĩnh cửu! » Vậy là sau khi thấy cái chết của biết bao nhiêu con cái Việt Nam chung quanh Ngài, sự chết đã lần đến trước cửa nhà Ngài, vào mùa hè năm 1947. Người mẹ mà Ngài rất đỗi yêu thương và luôn chia sẻ tình cảm, tâm sự, và niềm đam mê đối với cuộc sống thiêng liêng, người mẹ ấy đã về trời ngày 23 tháng 8, hưởng thọ 69 tuổi. Một bức thư vào tháng 4 đã cho Ngài biết là bà bị bệnh, nhưng bà đã khỏe lại và Ngài viết:

“Con cảm ơn Chúa đã gìn giữ tất cả gia đình ta và giúp cho mẹ hồi phục. Nhưng, thưa mẹ kính yêu, bây giờ chắc mẹ đã yếu nhiều. Con không dám nghĩ đến điều đó! Cầu cho ý Chúa được thể hiện ...

Dù sao đi nữa, xin mẹ hãy tin rằng, tất cả các lời cầu nguyện và hy sinh của mẹ, trong những tháng ngày bi thảm này, là tấm khiên bảo vệ con. Con có thể nói rằng con đang cảm nghiệm mỗi ngày tín điều các thánh thông công và sự chuyển hồi công phúc: mẹ là vị thừa sai trong con. Sở dĩ con đã được gìn giữ và đã có thể kiên vững trong nhiệm vụ được giao phó, đó là vì mẹ luôn ở bên cạnh con.”

Một bức điện được gửi đến hôm 24 tháng 8, tức chưa đầy 24 giờ sau khi được phát đi, lúc đó Cha Seitz vừa kết thúc buổi lễ trọng ngày chủ nhật ở nhà thờ chính tòa. Càng xa gia đình, Ngài càng thấm nỗi đau chia cách. Ngài viết cho cha, anh trai và chị gái:

“Người mẹ thân yêu của chúng ta không còn nữa. Mẹ không còn ở với chúng ta dưới thế gian này. Nhưng giá như mọi người biết được là con luôn cảm thấy Mẹ thật gần bên. Hình như con chưa bao giờ thấy Mẹ thật gần bên con như lúc này. Nỗi đau, nỗi buồn của con được giảm nhẹ bởi một cảm giác an bình và niềm tự hào mà con không biết diễn tả ra sao. Mẹ không còn nữa, nhưng chúng ta sẽ gặp lại Mẹ, Mẹ là của chúng ta hơn bao giờ hết, vì Mẹ đang ở trên trời, và ngày mẹ mất cũng là ngày mẹ được tái sinh trong ân sủng và niềm hạnh phúc vĩnh cửu. Con đã được Mẹ tâm sự nhiều lần và con biết Mẹ khao khát Chúa dường nào. Niềm khao khát này là một ân phúc từ Trời, một tiên báo cho sự tiếp đón mà Chúa dành cho Mẹ. “Con sẽ chẳng tìm kiếm Ta, nếu như con đã không đã gặp thấy Ta trước”.

Phải, con cũng buồn với cha, anh và chị, nhưng niềm hy vọng Ki-tô giáo làm dịu nỗi đau của con và con muốn rằng mọi người cũng có những cảm xúc như vậy để có thể giúp và nâng đỡ nhau trong thử thách hiện tại. Nguyện xin Chúa

de Maman ! (...) Notre dernière et si douce reunion de famille à Criquetot l'an dernier n'est, à mon sens, que le gage de cette autre réunion, au grand complet, que nous tiendrons un jour — bientôt — au Ciel. Confiance!

Paul Seitz est entouré, à cette occasion, de l'affection délicate de son évêque, de ses confrères, et aussi de ses chers orphelins : tous lui témoignent des marques de sympathie qui le réconfortent. Il célèbre une messe de requiem à l'orphelinat et nombreux sont les petits orphelins qui offrent leur communion pour la maman de leur Père spirituel et nourricier.

Ces pauvres gosses ont été vraiment émouvants, écrit-il à son père, et je pense que la prière de ces petits abandonnés — qui ne le sont plus grâce au sacrifice d'une maman de missionnaire — a été droit au Coeur de Dieu et a dû réjouir l'âme de Maman.

Le mardi 26 — qui était le jour de l'inhumation à Criquetot, si je ne me trompe, — j'ai de nouveau chanté un service funèbre solennel, mais cette fois-ci à la cathédrale de Hanoï, en présence de Monseigneur, de tous les missionnaires réunis et d'un grand nombre de paroissiens annamites.

Avec émotion, il recevra quelques semaines plus tard une lettre de sa mère, écrite au début du mois d'août, et que la lenteur des voyages par bateau ne lui fera lire que largement après son décès. Combien elle a dû lui être précieuse! Malheureusement, il ne nous a été conservé presque aucune des lettres à lui adressées, disparues dans la tourmente de ces années de guerre permanente. Une cependant retient notre attention: celle du curé de Criquetot, du 15 septembre 1947, relatant les derniers jours de madame Seitz.

Il y a un mois, votre chère maman venait encore régulièrement dans mon église; elle m'édifiait, comme toujours, par sa vraie et solide piété, son humilité sincère, son désir de servir. Elle me parlait de la quête pour les oeuvres missionnaires, dont elle avait assumé la charge pour que les missionnaires n'aient pas trop à souffrir. Elle me parlait encore de son missionnaire, dont elle n'avait pas de nouvelles, mais qu'elle continuait à confier à la divine Providence. Elle me mit au courant du voyage de M. Thao (2), me disant quelle joie elle aurait de le voir, de le recevoir, de parler de vous avec lui. Elle aurait ainsi des nouvelles toutes

ban ơn này cho mọi người qua sự cầu bầu của Mẹ! (...) Cuộc hội ngộ êm đềm của gia đình ta ở Criquetot năm ngoái, theo con nghĩ, là bảo chứng cho một cuộc hội ngộ khác, đầy đủ hơn, của tất cả chúng ta một ngày gần đây trên Thiên Quốc. Hãy vững tin!"

Trong dịp này, cha Paul Seitz được an ủi bởi tình thương yêu tế nhị của đức giám mục và các anh em đồng môn, cũng như các trẻ mồ côi thân yêu: tất cả đều tỏ dấu cảm thông khiến cho Ngài thấy mình được nâng đỡ nhiều. Ngài dâng lễ tang ở cô nhi viện và tất cả các em đã hiệp ý để cầu nguyện cho thân mẫu của người vừa là cha thiêng liêng vừa là dưỡng phụ của các em.

Ngài viết cho cha mình như sau:

"Các cậu bé tội nghiệp này thật rất dễ thương, và con nghĩ rằng lời cầu nguyện của các con trẻ bị bỏ rơi này — nay chúng không còn bị bỏ rơi nữa nhờ sự sinh của bà mẹ vị thừa sai — đã đi thẳng tới Trái Tim Chúa và chắc hẳn đã làm vui lòng Mẹ.

Thứ ba 26 — là ngày chôn cất mẹ ở Criquetot, nếu con không lầm, - con đã dâng lễ trọng thể cầu hồn cho mẹ, nhưng lần này ở nhà thờ chính tòa Hà Nội, có sự hiện diện của Đức giám mục của con, với tất cả các vị thừa sai và đông đảo bốn đạo Việt Nam."

Với nhiều cảm xúc, vài tuần sau Ngài nhận một bức thư của mẹ, viết từ đầu tháng 8, nhưng vì thư gửi đường hàng hải nên Ngài chỉ được đọc lâu sau khi mẹ mất. Bức thư quý giá biết bao đối với Ngài! Thật không may hầu như tất cả thư từ gửi cho Ngài đều đã bị mất trong cơn loạn lạc chiến tranh nhiều năm liên tục. Chỉ còn sót lại một lá thư khiến chúng ta chú ý: lá thư của cha sở giáo xứ Criquetot, đề ngày 15 tháng 9 năm 1947, kể lại những ngày cuối đời của Bà Cụ Seitz.

"Cách đây 1 tháng, người mẹ thân yêu của Cha vẫn thường xuyên dự lễ trong nhà thờ của tôi; Bà là một gương sáng cho tôi, như mọi lúc, bởi sự thánh thiện sâu sắc, lòng khiêm nhường chân thành, và tinh thần sẵn sàng phục vụ của Bà. Bà hay nói với tôi về việc quyền tiền cho hoạt động truyền giáo, mà bà đang đảm nhận để các vị thừa sai không phải chịu khổ sở quá nhiều. Bà cũng nói với tôi về vị thừa sai của riêng bà, mà đã lâu không có tin tức, nhưng Bà vẫn cầu nguyện dâng Ngài cho Chúa Quan Phòng. Bà đã cho biết về chuyến hành trình của ông Thảo¹. Bà nói rằng sẽ vui mừng biết bao khi gặp, tiếp đón ông ấy và

¹ Ông Thảo : một người cộng sự trung thành của cha Seitz. Ông có chuyến đi Pháp, và Cha đã ủy thác cho ông một số công việc trong gia đình Cha.

fraîches de vos travaux apostoliques. Elle me parla aussi du colis que vous nous avez fait adresser, et comme je lui parlais de votre grande délicatesse, une larme vint à ses yeux, larme de bonheur d'avoir, me dit-elle, un tel fils. « Comme le Bon Dieu m'a comblée ! » me disait-elle souvent. « Un fils prêtre, un fils missionnaire ! »

Je ne m'imaginai pas que quelques jours après, la mort allait si vite la frapper, et que ce serait sa dépouille mortelle que je recevrais dans mon église qu'elle visitait chaque jour (une des rares personnes de ma paroisse à penser à faire la visite au Très Saint Sacrement).

L'abbé Duval raconte ensuite sa dernière visite à la malade :

Dieu a permis à votre chère maman de se reconnaître et d'avoir sa pleine lucidité. Elle était assise dans son fauteuil quand j'ai parlé de confession, elle voulut se mettre à genoux, ce que je ne permis pas, elle put recevoir l'absolution en pleine connaissance, et elle répondit aux prières de l'extrême-onction avec une netteté et une piété qui m'a, une fois de plus, profondément édifié. J'étais très ému quand je l'ai entendue faire le sacrifice de sa vie pour son missionnaire et les siens. Quelques heures après elle rendait doucement le dernier soupir, non sans avoir eu la satisfaction de reconnaître et d'embrasser votre frère, qui était arrivé quelques moments après que j'eus la grande joie surnaturelle d'avoir confié à Dieu la belle âme de votre sainte maman.

Vous connaissiez sa simplicité et son humilité, aussi avait-elle voulu des obsèques de pauvre. Nous n'avons pas cru devoir aller outre. Elle eut le cercueil de sapin qu'elle désirait, une simple messe basse, sans aucune cérémonie chantée, la belle simplicité des belles âmes qui n'ont toujours vécu que pour Dieu. (...) Elle repose maintenant dans notre cimetière paroissial, dans le champ commun, selon son désir, sous un tertre de terre nue, avec une simple croix de bois, comme elle l'a voulu expressément.

Voilà le « père des orphelins » orphelin à son tour, les charges qu'il assume semblent plus lourdes sur ses épaules et il propose à son évêque de le relever de celle de curé de la cathédrale : il pense ne plus pouvoir faire face à tant d'obligations ; mais les bras manquent et il devra continuer, faire face à tout. Librairie et imprimerie se développent, l'orphelinat l'accapare à temps plein car il doit le déménager du centre ville, où il était réfugié depuis les événements du 19 décembre dernier, pour l'installer dans une vaste propriété appartenant aux dominicains, la Maison Lacordaire, à cinq kilomètres de Hanoi.

nói chuyện với ông ấy về Cha. Nhờ đó Bà sẽ có những thông tin nóng hổi về các hoạt động tông đồ của Cha. Bà cũng đề cập với tôi về gói quà Cha gửi cho chúng tôi, và khi tôi nói với bà về sự tinh tế của Cha, bà không cảm được nước mắt, những giọt nước mắt hạnh phúc, như lời bà nói, vì có được một người con như vậy. “Chúa đã ban ơn dồi dào cho con biết chừng nào!” Bà hay nói với tôi như vậy. “Một người con linh mục, một người con thừa sai!”

Tôi không ngờ được rằng chỉ một vài ngày sau đó, bà mất nhanh như vậy, và chính tôi sẽ đón nhận linh cửu của Bà trong ngôi nhà thờ mà bà vẫn lui tới mỗi ngày (bà là một trong số ít người trong họ đạo đến viếng Minh Thánh Chúa đều đặn).

Cha Duval kể tiếp về lần viếng kẻ liệt thăm Bà lần cuối của cha:

“Chúa đã cho người mẹ thân yêu của Cha còn biết nhận ra mình và còn rất minh mẫn sáng suốt. Bà đang ngồi trên ghế, và khi tôi nói đến việc xưng tội, Bà đã muốn quỳ xuống, nhưng tôi không cho, Bà đã được chịu phép giải tội với đầy đủ ý thức, và Bà đã trả lời kinh nguyện phép xúc dầu một cách rất rõ ràng thánh thiện, khiến tôi, một lần nữa, lại được đánh động sâu xa. Tôi cũng rất cảm động khi nghe Bà dâng sự sống của mình để cầu cho vị thừa sai của Bà và gia đình Bà. Vài giờ sau Bà nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, sau khi đã vui mừng nhận biết và ôm hôn từ giã anh trai của Cha, người anh này đã kịp đến không lâu sau khi tôi có được vinh dự thiêng liêng là dâng lên Thiên Chúa linh hồn xinh đẹp của người mẹ thánh thiện của Cha.

Cha đã biết tính đơn sơ và lòng khiêm nhường của Bà, vì vậy Bà chỉ muốn một đám tang của người nghèo. Chúng tôi không nghĩ phải làm trái ý Bà. Bà được liệm trong hòm bằng gỗ thông như Bà muốn, một thánh lễ cầu hồn bình thường, không rình rang hát xướng, sự đơn sơ của những linh hồn cao đẹp suốt đời chỉ sống vì Chúa. (...) Bây giờ, Bà yên nghỉ trong nghĩa trang của giáo xứ, ở khu thường, theo như ý nguyện của Bà, dưới một mô đất trơn, với một cây thánh giá gỗ, như bà đã yêu cầu.”

Như vậy “người cha của trẻ mồ côi”, tới phiên mình cũng trở thành mồ côi, các việc tông đồ Ngài đang đảm nhận dường như đè nặng hơn trên vai và Ngài xin đức giám mục miễn cho mình nhiệm vụ làm cha sở nhà thờ chính tòa: Ngài nghĩ rằng mình không thể gánh vác nổi nhiều trọng trách như vậy; tuy nhiên bây giờ đang thiếu nhân sự và Ngài phải tiếp tục, đương đầu với mọi thứ. Nhà sách và nhà in đang phát triển, cô nhi viện chiếm gần hết thời gian của Ngài vì Ngài phải dời cô nhi viện ra khỏi trung tâm thành phố, nơi bọn trẻ lánh nạn từ sau những

Propriété magnifique, mais que les Viêt-minhs ont soigneusement sabotée avant de se retirer : c'est une ruine, réparable, certes, mais les travaux demanderont des mois, des années peut-être, et des millions. (...) Je suis seul, avec près de deux cents petits voyous, dans une pagaïe noire, une maison en ruine, sale, non organisée. J'ai été pendant plusieurs semaines comme sur un navire en détresse. Je me suis demandé bien des fois si ce n'était pas le dernier coup de chien avant de voir sombrer cette oeuvre à laquelle je me suis tant attaché ! Alors, j'ai établi mon P.C. sur place, au milieu des gosses et depuis deux mois je tiens tête. J'ai dû faire un peu tous les métiers : depuis le dompteur auprès des gosses « durs », jusqu'à coolie, en passant par maçon, charpentier et chauffeur de camion. Après des journées écrasantes, dans une chaleur étouffante, vers les 5 h du soir, je filais à Hanoï, visitais imprimerie et librairie, puis assurais une permanence à la cathédrale. À la nuit tombante, je rentrais à l'orphelinat. (...) Si j'avais le loisir d'écrire, je crois que je pourrais publier un volume inédit sur ces enfants : le drame, l'aventure, la comédie, parfois la tragédie se mêlent et font de cette oeuvre une action passionnante. C'est vraiment du travail de défricheur!

Il est littéralement harassé le soir mais, grâce à Dieu, le lendemain il est de nouveau d'attaque, et il tient bon. Il garde une grande liberté d'esprit, série les problèmes et les résout les uns après les autres ; il avoue avoir bon estomac pour digérer les tuiles. Réellement, il sent, il expérimente chaque jour une assistance particulière de Dieu — sans laquelle il ne pourrait rien réussir. Ce n'est pas nouveau, mais c'est plus évident que jamais. Il confie à sa soeur Annette que du vivant de sa mère il attribuait cela à ses prières et sacrifices, elle « qui a été autant et sans doute plus que moi missionnaire » ! Maintenant, il sait à n'en pas douter qu'elle agit dans ses oeuvres.

J'ai obtenu des résultats et des consolations depuis sa mort, que j'attribue à son action. Tout va bien ici pour moi, grâce à elle.

Bilan après dix ans de vie missionnaire

Au début de 1948, profitant de sa retraite annuelle durant laquelle il est un peu dégagé du matériel, le Père Seitz reprend son carnet de notes intimes, pour notre plus grand profit. Il y a des années — près de dix ans — que je n'ai confié

biên cố hôm 19/12 vừa qua, để đến thiết lập trong một cơ sở rộng thuộc dòng Đa Minh, gọi là Nhà Lacordaire, cách Hà Nội 5 cây số.

Một cơ sở tuyệt đẹp, nhưng Việt Minh đã phá hủy bình địa trước khi rút đi: một đống điêu tàn, tất nhiên là có thể xây dựng lại được, nhưng công trình sẽ phải mất nhiều tháng, có thể là nhiều năm, và tốn hàng bao nhiêu triệu bạc.(...) “Còn tôi chỉ có một mình, với gần 200 đứa trẻ đường phố, trong một mớ hỗn độn, một ngôi nhà đổ nát, dơ dáy, lộn xộn. Tôi đã sống nhiều tuần lễ như trên một con tàu mắc nạn. Nhiều lần tôi tự hỏi đây có phải là một thử thách cuối cùng trước khi nhìn thấy sự sụp đổ của công trình mà mình từng tha thiết gắn bó! Vậy là tôi đã đặt tổng hành dinh của mình tại chỗ, ở giữa bọn trẻ và từ 2 tháng nay, tôi đang đầu cầm cự. Tôi đã phải làm đủ thứ nghề: từ khâu phục những đứa trẻ “cứng đầu”, cho đến làm cu li, thợ nề, thợ mộc và tài xế xe tải. Sau những ngày mệt mỏi, trong cái nóng ngột ngạt, khoảng 5 giờ chiều, tôi chạy về Hà Nội, thăm nhà in và nhà sách, rồi ra nhà thờ chính tòa cho phiên trực mỗi ngày. Đêm đến, tôi quay về cô nhi viện. (...) Nếu như tôi thích thú viết lách, tôi tin rằng mình có thể phát hành cả một bộ sách chưa từng có về bọn trẻ này: vừa là bi kịch, mạo hiểm phiêu lưu, vừa là hài kịch, và đôi khi cả thảm kịch, tất cả đan xen vào nhau và biến tác phẩm này thành một câu chuyện thật hấp dẫn. Đúng là công việc của người khai hoang!”

Mỗi buổi chiều, Ngài gần như kiệt sức, nhưng nhờ ơn Chúa, sáng hôm sau Ngài lại sẵn sàng vào cuộc, và Ngài kiên vững. Ngài giữ một tinh thần thật cởi mở, sắp xếp các vấn đề và giải quyết tuần tự từng việc một; Ngài thú nhận có một bao tử cực tốt có thể tiêu hóa cả gạch ngói. Ngài thực sự cảm nghiệm mỗi ngày sự trợ giúp đặc biệt của Chúa – mà nếu không có ơn này, Ngài sẽ chẳng thành công trong việc gì cả. Điều này không mới, nhưng càng ngày càng hiện rõ hơn bao giờ hết. Ngài đã tâm sự với Annette, chị gái Ngài rằng khi mẹ còn sống thì Ngài nhờ vào lời cầu nguyện và hy sinh của mẹ, vì mẹ “chắc chắn là vị thừa sai hơn em nhiều”! Bây giờ, Ngài đoán chắc rằng mẹ vẫn còn tác động trong công việc của mình.

“Từ ngày Mẹ mất, em đã đạt được những thành quả và nhiều niềm an ủi, mà em cho rằng là do Mẹ. Mọi sự ở đây đều thuận lợi cho em, nhờ có Mẹ.”

Tổng kết thành quả 10 năm cuộc sống thừa sai

Đầu năm 1948, nhân dịp tĩnh tâm năm, được rảnh rang khỏi lo lắng chuyện vật chất, Cha Seitz lại lấy nhật ký ra, ghi lại những cảm nghĩ thâm kín, nhờ vậy mà nay chúng ta được nhờ: “*Đã nhiều năm rồi – gần 10 năm – tôi chưa ghi được*

aucune note à ce carnet. Je veux essayer, sous le regard de Dieu, de faire un bilan exact.

À bien considérer ces dix années de sacerdoce et d'apostolat, j'éprouve les sentiments les plus variés:

1°. La joie et la reconnaissance pour d'immenses grâces reçues de Dieu.

C'était la joie et l'espérance, une grande hardiesse et confiance en Dieu qui m'animaient au jour de mon ordination sacerdotale.

Après dix ans, aujourd'hui, je puis écrire en vérité que mon espérance n'a pas été trompée. Pour l'avenir, je la sens toujours aussi neuve en moi. J'ai été littéralement comblé de prévenances divines. Je viens de parcourir une route qui me laisse ébloui de la bonté divine. J'ai réalisé chaque jour la promesse du Christ à ses Apôtres : « Pour vous, (...) vous recevrez au centuple dès ici-bas. » Il a dit vrai. Et mon âme déborde d'admiration et de reconnaissance.

Dieu m'a fait goûter d'une façon sensible et quasi quotidienne la joie d'être son témoin auprès des âmes, d'être aussi le témoin de son action merveilleuse et secrète sur les âmes. C'est toujours un sujet d'émerveillement pour moi. Sentiment d'admiration, de prise de contact avec le divin, le surnaturel. Sentiment aussi de confusion car, expérimentant la puissance, la grandeur, la miséricorde divine, j'éprouve également le sentiment de mon néant, de mon impuissance. Et Dieu se sert quand même de mon néant et de ma misère! C'est l'essentiel de ma joie et de ma reconnaissance.

Dieu m'a préservé, oh combien ! Préservé de mille dangers physiques et d'ordre moral. Mille fois j'aurais dû succomber et déchoir, à cause de mes imprudences, de mes infidélités, de ma tiédeur. Il m'a gardé. Dieu, que vous êtes fidèle ! Et si le sentiment de mon indignité me remplit de confusion, c'est encore la joie et une immense reconnaissance qui l'emportent en moi en ce jour. Misericordias Domini in æternum cantabo (3).

Dieu m'a gardé une jeunesse d'âme et de corps qui m'étonne. J'ai 42 ans bientôt. J'ai supporté bien des fatigues et, sincèrement, je ne pense pas m'être guère ménagé. Or, je suis venu, il y a dix ans passés, en Indochine, avec une santé compromise. Jamais je n'ai été gravement malade; jamais mon activité n'a été amoindrie par des défaillances physiques. Bien au contraire, j'ai

dòng nào vào cuốn nhật ký này. Bây giờ tôi cố gắng, trước mặt Chúa, làm một bảng tổng kết chính xác.

Nhìn lại 10 năm làm linh mục và tông đồ, tôi có nhiều cảm xúc khác nhau như sau:

1. Niềm vui và lòng biết ơn đối với hồng ân bao la Chúa đã ban.

Đó là niềm vui và hy vọng, sự bạo dạn to lớn và lòng tin tưởng vào Thiên Chúa, những tâm tình đã lay động tôi ngày tôi chịu chức linh mục

Hôm nay sau 10 năm, tôi có thể thành thật viết rằng niềm hy vọng của tôi đã không lảm. Trong tương lai, tôi cảm thấy niềm hy vọng ấy vẫn luôn mới trong tôi. Chúa đã ân cần lo lắng cho tôi biết bao. Tôi vừa trải qua một đoạn đường làm cho tôi choáng ngợp bởi sự tốt lành của Chúa. Tôi đã nghiệm ra hằng ngày lời hứa của Đức Ki-tô với môn đệ Ngài: “Về phần anh em, (...) anh em sẽ nhận được gấp trăm lần ngay dưới thế này.” Chúa đã nói thật thế. Và linh hồn tôi tràn ngập tâm tình thán phục và biết ơn.

Chúa đã cho tôi thực sự nếm trải hầu như mỗi ngày niềm vui được làm chứng tá của Chúa nơi các linh hồn, và cũng là chứng tá cho tác động kỳ diệu và âm thầm của Chúa trên các linh hồn. Đó luôn là chủ đề làm tôi kinh ngạc. Tâm tình thán phục, tâm tình được chạm đến thần linh, thánh thiêng. Cũng vừa là tâm tình bối rối, vì khi cảm nghiệm quyền năng, sự cao cả, lòng thương xót của Chúa, tôi đồng thời nhận ra sự hư không của tôi, sự bất lực của tôi. Vậy mà Chúa vẫn sử dụng ngay cả sự hư không và bần cùng ấy của tôi! Chính vì thế, tôi vui mừng và cảm tạ Chúa.

Chúa đã gìn giữ tôi, ôi biết bao nhiêu lần! Ngài đã gìn giữ tôi khỏi cả hằng ngàn hiểm nguy, cả thể xác lẫn tinh thần. Cả hằng ngàn lần đáng ra tôi gục ngã, vì những sự bất cẩn, bất trung và nguội lạnh của tôi. Ngài đã gìn giữ tôi. Chúa ơi, Ngài thật trung thành! Và nếu như cảm nhận về sự bất xứng của tôi làm tôi bối rối, thì chính niềm vui và lòng biết ơn sâu xa lại thắng thế trong tôi vào lúc này. Misericordias Domini in æternum cantabo: Tình thương Chúa, đời đời con ca tụng (Tv 89,2).

Chúa đã gìn giữ cho linh hồn và thể xác tôi luôn trẻ trung khiến tôi phải kinh ngạc. Tôi sắp 42 tuổi. Tôi đã chịu đựng được biết bao mệt mỏi và thật tình mà nói thì tôi cũng không bao giờ biết tiết kiệm sức khỏe là gì. Tôi đã đến Đông Dương 10 năm trước với một sức khỏe không mấy tốt. Dù vậy chưa bao giờ tôi mắc bệnh nặng; chưa bao giờ các hoạt động của tôi bị ảnh hưởng vì sức khỏe

retrouvé et conservé une vigueur qui m'étonne. Et pourtant le climat semblait contraire aux prescriptions médicales. Dieu est admirable ! Dieu est fidèle !

J'ai supporté, surtout depuis trois ans, bien des contradictions —comme tous les missionnaires d'Indochine. Nous avons connu la persécution, le danger, presque la terreur. Comme tous les autres, j'ai senti le dégoût et la tristesse en face de la bassesse d'âme des hommes, de leur ingratitude. Personnellement, j'ai été à même de sonder le fond de l'âme païenne. Ah ! mon Dieu ! Quelle horreur et quel dégoût à certaines heures ! Oui, j'ai appris à connaître les Annamites, car ils m'ont fait souffrir et me font encore souffrir.

Mais, Seigneur, ma joie est grande, parce que je me vois encore capable — par votre grâce — de les aimer, tels qu'ils sont, de me dévouer et de m'user et de mourir pour eux. Je sens encore en moi la jeunesse d'âme et l'enthousiasme des premières années.

Plus encore : malgré tant d'infidélités, tant de fautes qui, normalement, auraient dû tarir la source de vos grâces, malgré tant d'abus de toute sorte et d'imprudences et d'indélicatesses, vous faites encore résonner dans mon âme votre appel inlassable à l'amour, à l'intimité, à l'amitié avec vous. En un mot, à la sainteté.

C'est cela surtout qui m'emplit de confusion, mais aussi de joie et d'espérance.

2°. La honte et le remord se partagent aussi les sentiments de mon cœur.

Je dois reconnaître avec évidence que j'ai été infidèle à mon grand rêve, mon grand idéal de jeunesse : la sainteté.

En conscience, je puis dire que je ne suis pas un mauvais prêtre, un renégat, un prévaricateur (Dieu m'a préservé des grandes chutes). Les gens qui jugent de l'extérieur peuvent même penser et dire que je suis un bon prêtre.

Mais moi, en face de Dieu, je sais bien ce que je suis, et je suis effrayé. Honte et remord, en vérité, parce que je suis un ami infidèle, parce que durant ces dix années je n'ai pas progressé comme j'aurais pu et dû le faire, surtout comblé de grâces comme je l'ai été. Imprudemment, je me suis aventuré souvent à la limite du permis; je me suis maintenu dans des situations qui, normalement, auraient dû provoquer l'abandon de Dieu : combien de négligences dans l'une de mes fonctions essentielles : le bréviaire !

yếu kém. Trái lại, tôi đã tìm lại và vẫn giữ được một sức lực khiến tôi kinh ngạc. Trong khi đó, khí hậu hình như đi ngược lại với chỉ dẫn của các bác sĩ. Chúa thật đáng kính phục! Chúa luôn trung thành!

Tôi đã chịu đựng, nhất là trong suốt 3 năm qua, nhiều nghịch cảnh — như các thừa sai khác ở Đông Dương. Chúng tôi đã trải qua sự bách hại, hiểm nguy, và gần như sự khủng bố. Như mọi người khác, tôi đã cảm thấy sự tởm lợm và nỗi buồn trước sự hèn hạ của tâm hồn con người, sự vô ơn của họ. Cá nhân tôi, tôi đã đo lường được chiều sâu của tâm hồn ngoại đạo. Ôi! lạy Chúa! Nhiều lúc con cảm thấy sự khủng khiếp và ghê tởm tột cùng! Phải, con đã học được sự hiểu biết về người Việt, vì họ đã và đang làm cho con đau khổ.

Nhưng, lạy Chúa, niềm vui của con cũng lớn, vì con thấy con còn có thể - nhờ ơn Chúa giúp - yêu thương họ, với tất cả cái xấu và cái tốt nơi họ, để tận tâm và tận lực phục vụ họ, cho đến chết vì họ. Con vẫn còn cảm thấy trong con tâm lòng tươi trẻ và sự hăng say của những năm ban đầu.

Còn hơn nữa: dù bao nhiêu bất trung, bao nhiêu lỗi lầm mà thường ra thì đã phải làm cạn nguồn hồng ân của Chúa, dù bao nhiêu sự lạm dụng đủ loại, bao nhiêu bất cẩn và thiếu tế nhị của con, Chúa vẫn làm vang vọng trong lòng con lời kêu mời không mệt mỏi về tình yêu, tình thân, tình bạn với Chúa. Tóm lại, lời kêu gọi nên thánh.

Đó chính là điều làm cho tôi bối rối, nhưng cũng làm tôi tràn ngập niềm vui và hy vọng.

2. Sự hổ thẹn và sự hối hận cũng đang chiếm đoạt trái tim tôi

Tôi phải thật tình nhìn nhận là tôi đã không trung thành với giấc mộng lớn của đời tôi, lý tưởng lớn của tuổi trẻ tôi là nên thánh.

Trong lương tâm, tôi có thể nói rằng mình không phải là một linh mục xấu, một kẻ phản lại lời thề, một kẻ trốn chạy trách nhiệm (Chúa đã giúp tôi tránh xa những sa ngã quan trọng). Những ai xét đoán bề ngoài còn có thể nhận xét tôi là một linh mục tốt.

Nhưng tôi, trước mặt Chúa, tôi biết tôi như thế nào, và tôi khiếp sợ. Hổ thẹn và hối hận, vì thật ra tôi là một người bạn bất trung, bởi vì trong suốt 10 năm tôi đã không tiến bộ như tôi đã có thể và phải thực hiện, nhất là với bao hồng ân mà Chúa đã ban cho tôi. Tôi đã nhiều lần mạo hiểm tới giới hạn cho phép một cách bất cẩn; tôi đã tự đặt mình vào trong những hoàn cảnh mà, lẽ ra, đã phải

D'une façon générale, il est incontestable que j'ai donné une trop grande part à l'action apostolique, et cela au détriment de mon devoir essentiel d'adorateur. Je me suis à peu près toujours laissé accaparer par des soucis d'ordre matériel. L'action purement matérielle a une prédominance exagérée dans ma vie. J'ai toujours du temps, des loisirs, des forces pour elle. Les journées se suivent à une cadence étonnante, Lourdes d'activités et de soucis, et le soir venu, la nuit venue, très tard, je me couche, et mon Dieu n'a rien — ou presque rien.

3°. En mon âme, je sens toujours un désir pressant. Ma tâche n'est pas achevée. Mon programme n'est pas réalisé. Dieu m'appelle et me presse. Je le supplie de me convertir. Je veux encore et toujours être un saint. Je veux encore et toujours me remettre au travail.

Seigneur, si vous n'ajoutez à tant de bienfaits dont vous m'avez comblé depuis mon enfance une grâce toute spéciale de conversion ; si vous ne me saisissez littéralement à bras le corps, je resterai misérablement fade, pauvre, égoïste, terre à terre ; jamais je ne serai parmi les hommes ce parfait témoin de votre amour et de votre sainteté que vous voulez que je sois.

Seigneur, je vous en supplie, convertissez-moi ! Je sens tellement que là est l'essentiel, que le monde n'a besoin que de cela, que pour votre gloire il ne faut que cela ! Quelle tristesse et quel désir ! Pitié, mon Dieu!

Au lendemain de cette impressionnante méditation, où l'on sent une âme torturée par son désir de perfection qui rappelle celles d'une sainte Thérèse de l'Enfant Jésus, Patronne des missions, ou d'une bienheureuse Élisabeth de la Trinité, dans son « Élévation à la sainte Trinité », Paul Seitz, un peu apaisé, reprend son carnet de notes:

Je suis bien de mon temps ! Je suis trop de mon temps ! L'action enfiévrée, l'activité humaine débordante — admirable, d'ailleurs, à certains égards — est la marque de notre temps. Jamais les hommes n'ont tant construit, inventé, produit de mille manières. Les moyens modernes ont donné une puissance d'action nouvelle et étonnante aux hommes. Comme un enfant à qui l'on vient d'offrir un jouet merveilleux et qui se passionne pour ce jeu nouveau, l'humanité, de nos jours, se passionne pour l'action et s'y donne avec fièvre, heureuse et surprise de voir se multiplier des merveilles sous ses doigts.

làm Chúa bỏ rơi tôi: bao nhiêu lần tôi chệnh mảng với một trong các bản phận chủ yếu của tôi: kinh nhật tụng!

Nhìn chung, không thể chối cãi rằng tôi đã đổ sức quá mức cho các hoạt động tông đồ, và do đó chệnh mảng phần nhiệm vụ thiết yếu của việc thờ phượng. Tôi gần như lúc nào cũng để mình bị ám ảnh bởi các mối lo vật chất. Hoạt động vật chất đã chiếm lĩnh một phần quá lớn trong cuộc sống của tôi. Tôi đã luôn luôn dành thời gian, những khoảng rãnh rỗi, và sức lực cho nó. Ngày qua ngày trôi đi theo một nhịp điệu đáng kinh ngạc, đầy nặng những hoạt động và lo âu, rồi chiều về, tối đến, thật trễ, tôi đi ngủ, và Chúa không có gì hết — hoặc gần gần như vậy.

3°. Trong tâm hồn tôi, tôi luôn cảm thấy một ước muốn cấp bách. Nhiệm vụ tôi chưa được hoàn thành. Chương trình của tôi chưa được thực hiện. Chúa đang kêu gọi và thúc giục tôi. Tôi cầu xin Chúa hoán cải tôi. Tôi vẫn muốn và lúc nào cũng ao ước được nên thánh. Tôi vẫn muốn và lúc nào cũng muốn bắt đầu lại.

Lạy Chúa, ngoài biết bao ơn lành mà Chúa đã đổ xuống trên con từ ngày thơ bé, nếu như Chúa không ban thêm một ơn thật đặc biệt là lòng hoán cải; nếu như Chúa không xách nách con, thì khôn thay, con sẽ trở nên nguội lạnh, nghèo nàn, ích kỷ, hèn hạ; con sẽ chẳng bao giờ trở thành nhân chứng hoàn hảo của tình yêu Chúa và sự thánh thiện của Chúa như Chúa muốn, giữa muôn người.

Lạy Chúa, con khẩn khoản nài xin Chúa, hãy hoán cải con! Con cảm thấy sâu xa đó mới là điều thiết yếu, và thế giới chỉ cần điều đó, và chỉ cần điều đó cho vinh danh của Chúa! Nỗi buồn sâu đậm và ước muốn cháy bỏng! Xin thương xót con, lạy Chúa!

Ngày hôm sau cuộc suy niệm ấn tượng này, trong đó người ta cảm thấy một linh hồn đang bị giằng xé bởi ước muốn hoàn thiện giống như thánh Têrêxa Hải Đòng Giêsu, bản mạng của các xứ truyền giáo, hay của thánh nữ Elisabeth Ba Ngôi, trong cuốn “Nâng hồn lên về phía Ba Ngôi”, Cha Paul Seitz đã quay lại cuốn nhật ký của mình, lòng thanh thản hơn:

“Tôi đã chìm đắm trong thời đại của tôi! Tôi đã chìm đắm quá sâu vào thời đại của tôi! Hoạt động say mê, hoạt động tràn trề và, về một phương diện nào đó, đáng phục - là dấu chỉ cho thời đại của chúng ta. Chưa bao giờ nhân loại lại xây dựng, phát minh, sản xuất nhiều như vậy. Các phương tiện hiện đại đã đưa cho nhân loại một sức mạnh mới mẽ đáng kinh ngạc. Như một đứa trẻ mà người ta vừa cho một món đồ chơi kỳ diệu, và đang say mê với món đồ chơi mới

Jamais aussi l'humanité n'a détruit, anéanti, les biens de ce monde et ses propres oeuvres avec une telle aisance, une telle ampleur, et si peu de remords.

Juste avant que ne commence ce siècle d'activité intense, Dieu a placé, comme un phare, une sainte — une sainte cloîtrée et inactive — sainte Thérèse. C'est un rappel très net et incontestable aux vraies valeurs.

Est-ce à dire qu'il soit requis, pour rester dans le vrai, de faire fi de l'action telle que les moyens modernes nous la présente actuellement ? Je ne pense pas. Il ne faut que trouver un juste équilibre.

Juste avant ce siècle encore, Dieu a placé un saint qui ne fut ni un cloîtré ni un inactif, mais un homme d'action, d'activité intense, placé en pleine vie, en pleine « bagarre » : Don Bosco. Y a-t-il donc une différence foncière entre une sainte Thérèse et un Don Bosco ? À vrai dire, il n'y a qu'une seule et unique vocation, la même absolument identique en sainte Thérèse et Don Bosco, une seule vocation pour tous les hommes et pour tous les prêtres, quel que soit leur mode de vie, c'est la vocation à la sainteté.

Tel est le terme ultime pour tous, pour moi comme pour les autres: être un saint. Qu'est-ce à dire ? Le saint est celui en qui et par qui revivent aussi exactement que possible les vertus, l'âme, le comportement du Christ lui-même. Il est le Saint par excellence ; il est le modèle.

Le Père termine par une étude comparative de la vie active et de la vie contemplative, et les cahiers intimes que nous possédons s'arrêtent malheureusement là.

En ce début de 1948, le calme et la sécurité sont revenus dans la ville de Hanoi, dans la mesure où l'armée et la police veillent ; des attentats sporadiques sont perpétrés contre des personnalités pro-françaises, mais la population annamite, qui était tombée à 10 000 âmes, est remontée à 65 000 — signe qu'il ne fait pas trop mauvais vivre sous le régime français ! Les ruines se relèvent peu à peu; la ville a perdu son aspect de ruine tragique de l'année précédente.

La vie renaît même et surtout sur le plan spirituel. Toutes ces épreuves et catastrophes ont prouvé aux populations de quel côté étaient la haine et la mort,

ấy, nhân loại ngày nay cũng mãi mê hoạt động và đắm đầu vào đó, sung sướng và sung sướng khi nhìn thấy biết bao điều kỳ diệu xuất hiện dưới tay mình.

Nhưng cũng chưa bao giờ nhân loại lại phá hủy, tiêu diệt những của cải trên thế gian này và các công trình của mình một cách dễ dàng, với một mức độ rộng lớn như vậy mà không một chút hối tiếc.

Trước khi bắt đầu thế kỷ của hoạt động bùng nổ này, Thiên Chúa đã đặt, như một ngọn hải đăng, một vị thánh — một vị thánh tu kín và không hoạt động — Thánh Têrêxa. Đó là một lời nhắc nhở rất rõ ràng và không thể phủ nhận về các giá trị đích thực.

Vì vậy để nằm trong sự thật, có cần phải từ bỏ các hoạt động như các phương tiện hiện nay cho phép hay không? Tôi không nghĩ như thế. Phải tìm ra một đường lối trung dung.

Cũng vừa trước thế kỷ này, Chúa đã đặt để một vị thánh không tu kín cũng chẳng ở không, nhưng là một người hoạt động, hoạt động xông xáo, ngay giữa những xô xát của cuộc đời: Thánh Don Bosco. Phải chăng có một sự khác biệt căn bản giữa Thánh Têrêxa và Thánh Don Bosco? Thật ra, chỉ có một lời mời gọi duy nhất, một lời mời gọi giống hệt nhau nơi Thánh Têrêxa và Thánh Don Bosco, một lời mời gọi dành cho tất cả mọi người và tất cả các linh mục, trong bất cứ lối sống nào, đó là lời mời gọi nên thánh.

Đó là mục đích tối thượng cho chúng ta, cho tôi cũng như cho mọi người khác: nên thánh. Như vậy có nghĩa là gì? Thánh nhân là người tái hiện, cách đích thực nhất có thể, các nhân đức, tâm linh và thái độ của chính Đức Ki-tô. Ngài là Đấng Thánh tuyệt hảo; Ngài là tấm gương mẫu mực.”

Cha Seitz đã kết thúc bằng một bảng so sánh giữa cuộc sống chiêm niệm và cuộc sống hoạt động, và những ghi chú riêng tư của Ngài mà chúng ta có được, tiếc thay, dừng lại ở đó.

Đầu năm 1948, sự yên ổn và an ninh đã trở lại trong thành phố Hà Nội, nhờ vào sự canh phòng của quân đội và cảnh sát; vài cuộc ám sát các nhân vật thân Pháp vẫn diễn ra lẻ tẻ, nhưng dân số người Việt lúc trước rơi xuống 10,000 nay đã tăng lên 65,000 — là dấu chỉ rằng cuộc sống không đến nỗi tồi tệ dưới chế độ cai trị của người Pháp! Các đổ nát được xây dựng lại từ từ; thành phố đã thoát khỏi cảnh điêu tàn của năm trước.

Cuộc sống hồi sinh trở lại và nhất là trên phương diện thiêng liêng. Tất cả các thử thách và tai họa đã chứng tỏ cho dân chúng đâu là phía của hận thù và sự

et de quel côté étaient l'amour et la vie. Un mouvement de sympathie s'accroît envers le catholicisme, le champ d'apostolat s'étend, mais les moissonneurs sont trop peu nombreux et le Père Seitz déplore de constater le vieillissement de ses confrères, et le peu de jeunes qui viennent les relever. Son service à la cathédrale devient de plus en plus lourd, ses heures d'assistance aux visiteurs et quémandeurs de plus en plus longues, les difficultés administratives pour l'orphelinat de plus en plus tatillonnes, les gamins de plus en plus accaparants. La période de pagaïe et de reprise en main est passée, mais ses deux cents gosses ne sont pas des enfants de chœur, tant s'en faut, reconnaît-il. Il a de fameux numéros et parfois il a dû faire le dompteur, intervenant dans des batailles féroces où deux garnements réglèrent leurs comptes à coup de briques et jusqu'au sang inclusivement. Combien de fois aussi a-t-il dû, de jour et de nuit, jouer au détective pour filer des gamins qui montaient de véritables petits tripots où l'on jouait pour de l'argent, vice trop répandu dans ce pays pauvre, et qui est source de toutes sortes de déchéances.

Y a-t-il des échecs ? Bien sûr ! Mais ils sont rares. Quelques évasions, mais il n'y a même pas à « faire le mur », car il n'y a pas de murs autour du domaine de sainte Thérèse et du Christ-Roi, et chacun peut sortir librement, s'il le veut. À ses risques et périls : il s'en aperçoit vite et, penaud, revient tôt ou tard en guenilles, après avoir vendu les bons habits qu'on lui avait donnés à l'oeuvre, gâché sa santé et son âme à rouler dans la boue. Les bras lui sont cependant de nouveaux ouverts.

Pour les moins de dix ans, qui sont une quarantaine, le Père a pu enfin s'assurer la collaboration de trois religieuses et il constate que l'action qu'elles mènent est rapide et heureuse. Ils sont redevenus de vrais petits enfants, des petits d'hommes, et non des petites bêtes. C'est un plaisir pour lui de les voir maintenant vivre et s'épanouir.

Les plus de dix ans, et jusqu'à quinze ans, sont répartis en familles d'une quarantaine de garçons. Ils vont en classe, sous la direction également de Soeurs et d'instituteurs.

Les quinze à vingt ans sont les plus terribles à mater au début. Ils apprennent un métier et vont dans des ateliers qu'il a fallu réorganiser, qui se développent et tournent à fond : il y a maintenant imprimeurs, ajusteurs-tourneurs, vanniers, tailleurs, maçons, menuisiers. Quand la période de formation sera terminée, ces ateliers deviendront rentables — si un nouvel épisode de guerre ne vient pas tout détruire une nouvelle fois, — et les apprentis pourront sortir avec un métier en main.

chết, đâu là phía của tình yêu và sự sống. Người ta ngày càng có thiện cảm hơn với đạo Công giáo, cánh đồng truyền giáo đang mở rộng, nhưng thợ gặt thì quá ít và Cha Seitz lấy làm tiếc về sự già đi của các anh em đồng môn, trong khi không có mấy người trẻ đến thay thế. Sứ vụ của Ngài ở nhà thờ chính tòa ngày càng nặng, Ngài phải mất thêm nhiều thì giờ để tiếp khách và những người đến xin giúp đỡ, những khó khăn về quản trị viện mồ côi ngày càng chi li, bọn nhóc ngày càng đòi hỏi nhiều hơn. Thời điểm của sự vô tổ chức và lập lại trật tự đã qua, nhưng Ngài nhìn nhận rằng 200 trẻ mồ côi của Ngài không phải là những đứa trẻ hoàn toàn ngoan ngoãn. Có những thành phần cứng đầu, và đôi lúc Ngài phải mạnh tay, can thiệp vào những trận thư hùng giữa 2 bên thanh toán nhau bằng gạch đá, thậm chí dẫn đến đổ máu. Nhiều lần Ngài đã phải rình mò, bắt kẻ ngày đêm, để bắt các em lén lút đánh bạc với nhau, một tật xấu quá phổ biến trong xứ sở nghèo nàn này, và là nguồn gốc đủ mọi thứ tệ nạn.

Có thất bại chăng? Tất nhiên! Nhưng cũng ít thôi. Vài cuộc đào thoát, nhưng thậm chí không có ai phải “leo tường”, vì làm gì có tường bao quanh khu nhà Thánh Têrêxa và Chúa Ki-tô Vua; ai cũng có thể tự do đi ra, nếu muốn. Nhưng kẻ bỏ trốn sẽ nhanh chóng nhận ra những nguy cơ cùng hiểm họa, và sớm hay muộn, nó cũng tui nguiu trở về, rách rưới, sau khi đã bán đi bộ quần áo lành lặn mà người ta đã tặng cho viện mồ côi, sau khi đã hủy hoại sức khỏe và tâm hồn vì lẫn lộn trong bùn nhơ. Tuy nhiên cánh tay của Ngài luôn rộng mở.

Đối với các em dưới 10 tuổi, số lượng khoảng 40, cuối cùng Ngài đã vận động được sự giúp đỡ của 3 nữ tu, và Ngài phải công nhận việc các nữ tu này làm có hiệu quả thật nhanh và thật tốt. Chúng đã trở nên những trẻ em thực sự, những con người thực sự, chứ không phải là thú vật. Thật là một niềm hạnh phúc cho Ngài khi nhìn thấy chúng sống và phát triển.

Các trẻ lớn hơn, từ 10 tuổi đến 15 tuổi, thì được phân chia ra thành những gia đình gồm khoảng 40 em. Chúng được đi học, và cũng được các nữ tu và các giáo viên hướng dẫn.

Những đứa từ 15 đến 20 tuổi là những em khó dạy nhất thời gian đầu. Chúng được học nghề trong các xưởng thợ mà Ngài đã phải tổ chức lại, nay đang phát triển tốt và quay đều: trong đó có thợ in, thợ tiện, thợ đan, thợ may, thợ nề và thợ mộc... Sau thời gian huấn luyện, các xưởng thợ sẽ bắt đầu đem lại lợi nhuận — và nếu như một giai đoạn mới của cuộc chiến không đến phá hủy một lần nữa — các em có thể ra đời với một nghề trong tay.

Voilà des années que le Père mène cette oeuvre toujours à la limite de la misère et avec de lourdes dettes, chassé d'un endroit, recommençant dans un autre. Heureusement son évêque est compréhensif et apprécie hautement le travail de son collaborateur ; il lui a même cédé sa propre voiture, et circule en bicyclette. Quant au Père économe, il sourit à chaque nouvelle requête, et finit par délier sa bourse — pourtant trop plate...

L'actif spirituel le console de tout. À Noël 1947, le baptême a été donné à trente-huit catéchumènes, et le sacrement de confirmation à cent cinq enfants. L'ordre, la discipline, le travail, maintenant, règnent dans l'ensemble. Avec la connaissance du Christ, reconnaît le Père,

“la charité, peu à peu, attendrit ces coeurs endurcis par la misère, le vice, l'injustice sociale. Mais une telle oeuvre demande impérieusement une présence et une continuité attentive. L'éducation, et plus encore la rééducation, est une oeuvre ardue ; on ne peut jamais se dire : « le but est atteint ». Sans cesse, le travail est à reprendre.

Je pense que dans le plan général d'action apostolique que l'Église doit accomplir dans ce pays, l'oeuvre de charité qui nous amène à secourir les corps et les âmes, est une arme de première valeur : elle démontre incontestablement la vitalité de l'Église et rend sensible le grand précepte de charité donné par le Christ : « Aimez-vous les uns les autres ! »

Les idées ne lui manquent toujours pas, et il les développe à son correspondant:

Une autre arme, dont le monde moderne fait un usage intensif dans tous les domaines, commercial ou politique, ne doit pas être négligés par l'Église: la propagande ! À vrai dire, c'est la première consigne donnée par le Christ: «Allez, enseignez toutes les nations... » Et l'apôtre saint Paul, infatigable prêcheur, le savait bien : « La foi vient de la vérité entendue.» Pour que les hommes l'entendent, il faut la diffuser. Autrefois, il n'y avait qu'un moyen : la parole de l'apôtre par la prédication. Le monde moderne a multiplié de façon extraordinaire cette puissance d'action. Dieu sait si tous les partis et tous les trusts l'ont compris ! Presse, radio, cinéma, disques, que sais-je encore, tout est mis en oeuvre. Et pourquoi les fils de Lumière mépriseraient-ils les dons du Seigneur ? Ils ne les méprisent pas, à vrai dire, et de tout temps l'Église a été aux avant-postes de la propagande. Certains pays sont parfaitement organisés. En Indochine, nous avons encore beaucoup à faire : nous nous y attelons.

Những năm tháng Ngài theo đuổi công trình này, lúc nào cũng ở bờ vực của đói nghèo và nợ nần tứ phía, bị đuổi ra khỏi chỗ này, bắt đầu lại ở chỗ khác. May phước là vị giám mục của Ngài luôn cảm thông và đánh giá cao công việc của người cộng sự của mình; đức cha đã nhường chiếc xe hơi của mình, và di chuyển bằng xe đạp. Còn cha quản lý, lúc nào cũng mỉm cười khi nhận được yêu cầu, và cuối cùng cũng mở túi tiền – tuy rằng túi tiền cũng hơi mỏng ...

Hoạt động thiêng liêng an ủi Ngài nhất. Dịp lễ Giáng Sinh 1947, 38 tân tòng được rửa tội, và 105 em được chịu phép thêm sức. Lúc đó nhìn chung, các em đã đạt được một nếp sống có trật tự, kỷ cương và chăm chỉ làm việc. Cộng thêm với sự nhận biết Đức Ki-tô, Ngài nhìn nhận như sau :

“Lòng bác ái dần dần làm mềm lòng các con tim chai đá vì đói nghèo, tẻ nạn, và bất công xã hội. Nhưng một công trình như thế nhất thiết đòi hỏi một sự hiện diện và chú tâm liên tục. Giáo dục, và hơn nữa, đây là một sự cải tạo, là một công việc gian nan; không bao giờ có thể tự mãn là “đã đạt được mục đích”. Công việc lúc nào cũng phải làm lại không ngừng.

Tôi nghĩ rằng trong kế hoạch tổng quát của hoạt động tông đồ mà Giáo Hội phải hoàn thành trên đất nước này, thì công việc bác ái để chúng ta cứu giúp con người cả thể xác lẫn linh hồn, là một khí cụ hiệu quả nhất: nó thể hiện một cách không chối cãi sự sinh động của Giáo Hội và cho người ta cảm nhận rõ ràng giới luật bác ái mà Đức Ki-tô đã dạy: “Anh em hãy yêu thương nhau!”

Ngài không bao giờ thiếu sáng kiến, và Ngài phát triển ý Ngài trong thư:

“Một khí cụ khác, mà thế giới hiện đại sử dụng tối đa trong tất cả các lãnh vực, thương mại hay chính trị, và Giáo Hội không thể bỏ qua, đó là việc tuyên truyền! Thật ra, đó là lời nhắn nhủ đầu tiên của Đức Ki-tô: “Anh em hãy đi giảng dạy muôn dân ...” Và thánh tông đồ Phaolô, vị giảng thuyết không mệt mỏi, nắm vững điều đó: “Đức tin đến từ việc nghe giảng chân lý.” Để mọi người có thể nghe được chân lý, cần phải phổ biến nó. Ngày xưa chỉ có một phương tiện: lời nói của các thánh Tông đồ qua sự rao giảng. Thế giới hiện đại đã phát minh ra nhiều phương tiện mạnh mẽ cho công việc này. Có Chúa mới biết rằng các đảng phái và các đại công ty đã biết khai thác các phương tiện này như thế nào! Báo chí, radio, phim ảnh, đĩa nhạc, và còn nhiều thứ nữa mà tôi không biết, đều đã được tận dụng. Thế tại sao con cái của Sự Sáng lại khinh thường các quà tặng này của Chúa? Thật ra chúng ta đã không khinh thường chúng, và Giáo Hội luôn ở tuyến đầu của việc tuyên truyền. Nhiều đất nước đã tổ chức sử dụng rất hiệu quả. Còn ở Đông Dương, chúng ta còn nhiều việc phải làm: bây giờ chúng ta bắt tay vào việc.”

De fait, l'imprimerie et la librairie qu'a lancées et réorganisées le Père se développent, malgré le manque de moyens. Il y va chaque jour, y a placé des directeurs qui le secondent très bien et le succès est là, avec des éditions en français et en annamite. Il a maintenant une trentaine d'ouvriers et une quinzaine d'apprentis qui se forment au métier de typo ou de machiniste. Quant à l'atelier de mécanique, il en est très fier : trois moniteurs et une quarantaine d'apprentis s'impliquent dans les sections moteurs, dynamos, tours, ferblanterie, électricité, forge à deux foyers, ajustage, etc. La menuiserie prend tournure avec quatre ouvriers et huit apprentis. Le travail commence à faire vivre la maison, et c'est un soulagement. Par ailleurs, il doit surveiller et diriger une quinzaine d'ouvriers qui relèvent les ruines et réparent les locaux : maçons, menuisiers, électriciens, plombiers. C'est une véritable cité qu'il doit gérer et reconstruire, dont il doit assurer chaque jour la nourriture et le vêtement pour tous les habitants, dont il doit soigner les corps et les âmes. Ruisselant de sueur du matin au soir et du soir au matin — car on n'est pas à la bonne altitude du Ba-Vi — il est partout, veillant à tout et à tous, disant un mot d'encouragement à l'un, grondant un autre, écoutant longuement celui-là qui veut parler en particulier : l'un a le cafard et se sent tenté de faire une fugue, l'autre ne se plaît pas dans son atelier : il est à la disposition de tous jusqu'à dix heures du soir, et a encore son bréviaire à dire et son courrier à terminer. Comment y arrive-t-il ? Il se le demande lui-même ; et la réponse est toujours que c'est Dieu qui fait l'essentiel et lui vient en aide à tout moment.

Mais le démon n'est manifestement pas satisfait du tout, et en veut à sa peau. Ainsi se trouve-t-il foudroyé, un beau matin d'orage. Assis devant une table, il écrit dans une pièce dont les deux fenêtres sont ouvertes. Ce qui s'est passé, il ne l'a su qu'après par deux témoins : la foudre, frappant un pignon de l'église située à quinze mètres de là, traverse la pièce où il est, entrant par une fenêtre et sortant par l'autre, le projetant par terre électrocuté, sans connaissance. Lorsqu'il revient à lui, il ressent une violente commotion à la tête et dans tout le côté droit du corps, jusqu'à la plante du pied ; son visage le brûle. Pendant une heure, il éprouve toutes sortes de sensations de vertige et de douleurs, il est pris de vomissements, mais il n'a rien de cassé, alors qu'il aurait dû être tué sur le coup et serait parti dans l'éternité sans s'en être rendu compte. Sa conclusion, comme une épitaphe : « Soyez toujours prêt, car vous ne savez ni le jour ni l'heure. »

Deux heures après, il est derechef au volant de sa jeep, fouetté par le vent de la brousse, l'oreille aux aguets à cause des embuscades. Il lui faut penser aux vacances de ses enfants et il souhaite les emmener au bord de la mer. Il n'est plus question du Ba-Vi, qui a été investi par le Việt-minh et sans doute détruit de fond en comble. Cent cinquante enfants ont été bloqués à Son Tay depuis les

Thật ra lúc đó, nhà in và nhà sách mà Ngài đã xây dựng và tổ chức lại đang phát triển rất tốt, mặc dù thiếu thốn đủ thứ. Ngài đến thăm hằng ngày, đặt để các quản đốc phụ tá rất đắc lực, và thành công đang đến qua các bản in tiếng Pháp và tiếng Việt. Ngài có trong tay 30 công nhân và 15 thợ học nghề đang học in typo và chạy máy. Còn xưởng cơ khí, Ngài rất hãnh diện: 3 thầy dạy cơ khí và khoảng 40 học viên trong các ngành mô tơ, dynamô, tiện cơ khí, chế đồ bằng thiếc, điện, đúc 2 lò, lắp ráp v.v. Xưởng mộc đang chạy hết công suất với 4 thợ chính và 8 học viên. Công việc bắt đầu có thể nuôi sống cả nhà, thật là nhẹ gánh. Ngoài ra Ngài còn phải trông coi và điều khiển một đội thợ khoảng 15 người để dựng dậy những đồng đồ nát và sửa chữa lại nhà cửa: thợ nề, thợ mộc, thợ điện, thợ ống nước. Đó là cả một thị xá mà Ngài phải quản trị và xây dựng, phải bảo đảm có cái ăn cái mặc cho tất cả cư dân, phải săn sóc cả thể xác và linh hồn của họ. Ướt đẫm mồ hôi từ sáng đến tối và từ tối đến sáng – bởi vì chỗ này đâu có nằm ở độ cao như ở trên núi Ba Vì – Ngài có mặt khắp nơi, quan tâm đến mọi người, mọi việc, khích lệ người này, la rầy người khác, lắng nghe những ai muốn tâm sự riêng với mình: kẻ này đang buồn chán và muốn bỏ đi một thời gian, người kia không vừa lòng với việc làm trong xưởng. Ngài luôn sẵn sàng tiếp đón mọi người cho đến 10 giờ tối, và còn phải đọc kinh nhật tụng, kết thúc với thư tín phải đọc và phúc đáp. Làm sao Ngài có thể đảm đương được chừng ấy công việc? Ngài cũng luôn tự hỏi mình như thế; và câu trả lời luôn là: chính Chúa đã làm tất cả mọi việc cần thiết và đến giúp Ngài trong tất cả mọi lúc.

Nhưng quý dữ rõ ràng là không hài lòng chút nào và tìm cách hãm hại. Vì vậy một sáng trời giông bão Ngài đã bị sét đánh. Ngài đang ngồi viết trên bàn trong một căn phòng có 2 cánh cửa sổ mở. Những gì xảy ra, Ngài chỉ biết được sau đó, do hai người đã chứng kiến sự việc kể lại: sét đánh vào đầu hồi nhà thờ cách đó 15 mét, xẹt ngang qua phòng của Ngài, vào bằng cửa sổ bên này và xuyên qua cửa sổ bên kia, ném Ngài xuống đất như bị điện giật, bất tỉnh. Lúc tỉnh lại, Ngài cảm thấy đau dữ dội từ đầu và phía thân bên phải cho xuống tận dưới lòng bàn chân; gương mặt Ngài bồng rât. Trong cả tiếng đồng hồ Ngài cảm nhận đủ mọi cảm giác chóng mặt và đau đớn, đến cả nôn mửa, nhưng không bị gãy cái xương nào, trong khi đáng lẽ ra Ngài đã phải chết ngay lập tức và đi về cõi vĩnh hằng mà không hề hay biết. Ngài kết luận như lời viết trên một bia đá trên mộ đầu đó: “Hãy luôn sẵn sàng, vì người sẽ không biết ngày nào giờ nào”

Hai giờ sau, Ngài lại cầm tay lái chiếc xe jeep, gió núi quét mạnh vào mặt, còn tai thì nghe ngóng canh chừng bị phục kích. Ngài đang tính tổ chức các ngày nghỉ mát cho con cái Ngài và Ngài mong muốn đưa chúng ra biển. Không thể lên núi Ba Vì, vì Việt Minh đã chiếm và chắc đã phá hủy toàn bộ. 150 em bị kẹt ở Sơn Tây từ những biển cô tháng 12/1946 vừa được lực lượng Pháp giải thoát;

événements de décembre 1946 et viennent d'être libérés par les troupes françaises ; ils vont venir s'ajouter aux deux cent cinquante de l'orphelinat. Le Père envisage donc d'aller du côté de Haiphong, dans la célèbre baie d'Along, une des merveilles du monde. L'exploration qu'il fait, en convoi militaire, louvoyant entre les mines et les embuscades, ne lui donne guère d'impression de paix et de sécurité. Les Viêts sont encore partout à l'affût d'un mauvais coup.

Qu'importe ! lance-t-il crânement au démon : il faut aller de l'avant et oeuvrer autant qu'on le peut. S'il fallait attendre le « bon temps » pour travailler, on ne ferait jamais rien.

Il emmène donc tout son orphelinat pour deux mois de bord de mer, dans un cadre unique : la mer avec ses rochers splendides, la forêt, la montagne, lui-même n'y restant que le temps nécessaire pour organiser la colonie et la mettre en train, puis regagnant la capitale où tant de choses l'accaparent. Cinq fois durant ces deux mois il fait la route : deux cents kilomètres.

Ce n'est rien, mais quand les Viêt-minhs vous guettent à chaque borne, c'est autre chose. Il n'y a pas de semaine, rapporte-t-il, où le train Hanoï- Haiphong ne saute sur une mine : c'est alors une dizaine de wagons écrasés et jetés à la rizière. J'ai souvent recommandé mon âme à Dieu et prié pour que rien n'arrive tandis que les enfants voyageaient. J'ai été exaucé. Une seule fois, tout de même, le train que j'avais pris — seul, heureusement — a sauté sur une mine. La locomotive a été fortement endommagée, cinq wagons ont été broyés et renversés. Le double effet de la bombe et du déraillement s'est arrêté deux voitures avant celle que j'occupais. J'en ai été quitte pour un petit coup de « panier à salade ». Dans cet accident, il n'y a même pas eu un blessé, l'expérience ayant appris qu'il fallait mettre des wagons de marchandises en tête du train, car c'est là que la mine explose. Mais ce jour-là, nous avons eu dix heures de retard, et mon petit bazar aux expériences s'est enrichi de sensations nouvelles !

Si les ateliers qu'il développe se montrent maintenant rentables, il en est de même du point de vue spirituel — et c'est bien plus important ! Son bilan à la fin de 1948 ?

Lorsque j'ai commencé, on comptait deux catholiques seulement sur dix. Maintenant la proportion est inversée : huit sur dix sont chrétiens — et bons chrétiens. Ils sont venus, ces braves gosses, au christianisme sans qu'aucune pression ou influence indiscrète ait été exercée sur leur esprit.

Sa méthode ? Elle est simple :

chúng sẽ đến ở chung với 250 em có sẵn trong cô nhi viện. Vì vậy Ngài đang tính đi Hải Phòng, đến vịnh Hạ Long, một trong các danh lam thắng cảnh của thế giới. Chuyến đi mà Ngài thực hiện, với đoàn xe nhà binh, luôn lách qua mìn và các ổ phục kích, không cho Ngài cảm giác yên bình và an ninh. Việt Minh vẫn đang rình rập khắp nơi để tấn công. Nhưng Ngài vẫn thách thức quỷ dữ:

“Mặc kệ! Phải tiến lên và hành động tới đâu có thể được. Nếu cứ phải đợi “thời điểm tốt nhất” mới ra tay, thì sẽ chẳng bao giờ làm được tích sự gì.”

Vậy là Ngài dẫn cả viện mồ côi ra bờ biển trong 2 tháng, trong một khung cảnh độc nhất vô nhị: biển với các mỏm đá tuyệt vời, rồi rừng, núi. Bản thân Ngài cũng chỉ ở lại vài ngày cần thiết để sắp xếp, tổ chức cho mọi việc xuôi chầy, rồi Ngài quay về thủ đô vì còn bao nhiêu việc đang quần lầy Ngài. Trong 2 tháng ấy, Ngài đã chạy lên chạy xuống 5 lần: khoảng 200 cây số. Ngài kể lại: *“Khoảng cách không thấm thía gì, tuy nhiên khi Việt Minh rình mò mình ở mỗi cột mốc, thì lại là chuyện khác. Không có tuần lễ nào mà chuyến tàu hỏa Hà Nội - Hải Phòng không bị giựt mìn: cứ mỗi lần như vậy thì cả chục toa tàu lật xuống ruộng. Tôi đã phó thác linh hồn tôi cho Chúa và cầu nguyện để không xảy ra chuyện gì khi bọn nhò đi tàu. Tôi đã được nhậm lời. Tuy vậy, có một lần, chuyến tàu tôi đi — may phước có một mình — bị trúng mìn. Đầu máy hư hỏng nặng, 5 toa bị nghiền nát và lật úp. Hậu quả cộng hưởng của mìn và trật đường ray dìm lại cách toa của tôi 2 toa. Tôi đã thoát nạn tuy cũng bị giao động chút ít. Trong tai nạn này, không có ai bị thương, kinh nghiệm cho thấy phải xếp các toa hành lý và hàng hóa về phía đầu tàu, bởi mìn nổ ở đó. Ngày hôm đó chúng tôi tới trễ mất 10 giờ, và kho kỷ niệm hỗn tạp của tôi lại nạp thêm được một số cảm xúc mới!”*

Nếu các xưởng thợ Ngài xây dựng bây giờ đã ăn nên làm ra, thì về phương diện thiêng liêng cũng vậy - và đó mới là điều quan trọng hơn nhiều! Tổng kết của Ngài cuối năm 1948 ra sao?

“Lúc tôi khởi sự thì chỉ có 2 em có đạo trên 10 em. Hiện nay tình hình đã ngược lại: 8 trên 10 em có đạo — và lại là những người công giáo tốt. Các cậu bé dũng cảm này đã đến với Ki-tô giáo mà không hề bị một áp lực nào hay một ảnh hưởng lộ liễu nào trên tinh thần của chúng.”

Phương pháp của Ngài? Rất đơn giản:

Ils étaient les « balayures » du monde, le « rebut », sans joie, sans affection. Ils ignoraient pratiquement jusqu'au sentiment de l'amour paternel et filial. Nous leur avons donné tout cela. Et c'est là le premier chapitre de notre catéchisme... avec le bol de riz !

Ce n'est que progressivement, délicatement, qu'on les a exercés à réfléchir, à lever les yeux plus haut. Et j'ai eu l'immense joie de constater qu'ils comprenaient, mieux que n'importe qui. Après être devenus les enfants de cette maison, comment n'auraient-ils pas eu le désir de devenir enfants de Dieu ? À ce désir exprimé, nous répondons cependant par une fin de non-recevoir. « C'est grave ce que vous demandez, mes enfants. Il y a des conséquences très lourdes... Il faut réfléchir... Attendez... » Ainsi leur parlons-nous. Et ils doivent attendre. Ce n'est qu'après avoir étudié, éprouvé le sujet, que nous l'admettons au baptême. C'est rentable, et c'est pourquoi j'accepte allègrement la montagne de soucis et de travail que me donnent ces gosses !

Et puis, visiblement, la Providence manifeste son intervention. À chaque instant je suis dans les dettes et les impasses ; et finalement je paie les unes et je sors des autres. Savez-vous, par exemple, que je termine l'exercice 1948 avec plus de trois millions de francs de dettes ? ... Or mon sommeil n'en est pas altéré. Je sais que la Providence me donnera les moyens. Ce faisant, je ne fais que lui accorder crédit — et elle le mérite bien, tout de même ! Il n'empêche, vous comprenez : je dois jouer serré !

Mgr Chaize, qui se sent vieillir, compte de plus en plus sur l'inépuisable curé de sa cathédrale. Il lui donne, heureusement, un vicaire en la personne du jeune Père Faugère, 28 ans, récemment sorti du séminaire de la rue du Bac, plein d'enthousiasme comme lui-même, et en phase avec les jeunes. Il lui confie aussi trois jeunes Pères qui arrivent de métropole et doivent être initiés au ministère et surtout à la langue annamite : le P. Seitz les prend donc à l'orphelinat et leur donne un professeur ; ils lui sont une compagnie agréable, tout en assurant une présence tutélaire pour les enfants.

Mais voilà que Mgr Chaize est emporté en moins de vingt-quatre heures, à l'âge de 67 ans, après vingt-quatre ans d'épiscopat à Hanoi, dont dix ans comme coadjuteur.

Je garde un souvenir ému de celui qui fut mon chef pendant douze ans. Il était d'une simplicité extrême, d'une bonté, d'un accueil paternel. Il m'avait accordé sa confiance. Très souvent j'allais le trouver. Notre pauvre mission est bien éprouvée : peu de missionnaires, plus de chef. C'est la nuit. Des ruines

Chúng là “rác rưởi” của cuộc đời, “là đồ bỏ”, không niềm vui, không tình thương. Thậm chí trên thực tế, chúng hoàn toàn không biết tình phụ tử, hay lòng hiếu thảo là gì. Chúng tôi cho chúng tất cả các thứ đó. Và đó là bài giáo lý đầu tiên ... với một chén cơm!

“Sau đó, từ từ, một cách nhẹ nhàng, chúng được tập suy nghĩ, và ngược mắt nhìn lên cao hơn. Và tôi vui mừng biết bao khi nhận thấy rằng chúng hiểu, hơn bất cứ ai khác. Sau khi trở thành con cái trong ngôi nhà này, làm sao chúng có thể không có ý muốn trở thành con cái Chúa được? Và khi một em nào đó tỏ lộ ý muốn này, tôi thường trả lời không. “Con ơi, điều con muốn rất quan trọng. Có rất nhiều hậu quả nặng nề... Phải suy nghĩ chín chắn ... Hãy chờ đợi ...” Tôi nói với em như vậy. Và em phải đợi. Chỉ khi nào sau khi theo dõi kỹ lưỡng, thử thách, tôi mới ban phép rửa tội cho em. Như vậy là có lời rồi, và đó là lý do tôi vui vẻ chấp nhận gánh nặng như núi của tất cả các lo âu và công sức cho đám trẻ này!

Và rồi, thật rõ ràng, Chúa Quan Phòng đã can thiệp. Tôi luôn bị nợ nần và bí lối; nhưng sau cùng tôi cũng trả được nợ và thoát khỏi thế bí. Các bạn biết không, ví dụ, cuối năm 1948 tôi nợ 3 triệu quan? ... Dù vậy giấc ngủ của tôi vẫn yên lành. Tôi biết rằng Chúa Quan Phòng sẽ cho tôi phương tiện. Làm vậy, tôi chỉ tạo uy tín cho Chúa – tất nhiên là Chúa xứng đáng! Dầu vậy, các bạn biết không, tôi phải chơi sát nút!”

Đức Cha Chaize, cảm thấy mình già rồi, càng ngày càng dựa vào vị chánh xứ chính tòa không mệt mỏi của mình. May thay, Đức Cha thêm cho Ngài một cha phó là Cha Faugère, mới 28 tuổi, vừa xuất thân từ chủng viện của Hội Thừa Sai Paris, cũng đầy nhiệt huyết và hợp với giới trẻ như Ngài. Đức Cha còn giao cho Ngài 3 linh mục trẻ vừa từ Pháp sang để tập sự hoạt động tông đồ và nhất là học tiếng Việt: vậy là Cha Seitz dẫn họ qua cô nhi viện và cho học tiếng Việt với một ông thầy; họ có mối quan hệ rất tương đắc với Ngài, và đồng thời sự có mặt của họ cũng giúp giám hộ bọn trẻ.

Nhưng Đức Cha Chaize qua đời trong vòng chưa đầy 24 giờ, lúc 67 tuổi, sau 24 năm làm giám mục Hà Nội, trong đó 10 năm với cương vị là phụ tá.

“Tôi luôn giữ một kỷ niệm cảm động về vị bề trên của tôi trong suốt 12 năm. Ngài rất đơn sơ, tốt lành, đầy tình cha con. Ngài đã tin tưởng tôi. Tôi hay đến gặp Ngài. Giáo phận đáng thương của chúng tôi phải chịu thử thách nặng nề: thiếu thốn nhân sự thừa sai, không còn chủ chăn. Đây là đêm đen. Những đồ

considérables, un travail énorme à accomplir. Vraiment, c'est l'heure de la foi totale — et aussi de l'espérance.

Le siège de Hanoï va demeurer vacant durant plus d'une année. La situation en Indochine est stationnaire. On attend le prochain retour de Sa Majesté Bao Dại dans l'indifférence ; on peut douter qu'il réussisse à ramener la paix. L'intérieur du pays est toujours inaccessible, à l'exception des axes tenus par l'armée française. Les Viêt-minhs restent virulents et actifs, en lien avec les rouges de Chine qui les renforcent.

Nous vivons sur un volcan, écrit le Père Seitz, le 20 août 1949. Mais nous vivons — c'est l'essentiel ! Demain, on verra ce qu'il convient de faire : à chaque jour suffit sa peine. Les différentes oeuvres dont je m'occupe me donnent bien du mal, mais aussi bien des satisfactions. Je constate que plus on travaille dans la peine et l'insécurité, plus le travail est fécond ... même quand les apparences semblent prouver le contraire.

Il lui arrive à ce moment une aventure peu banale — mais rien n'est banal avec lui, surtout dans les situations peu banales elles-mêmes où il vit ! — tandis qu'il est en colonie de vacances dans la baie d'Along. Un petit avion survole la colonie un soir, vers 17 h, puis disparaît. Peu après surgit une jeep d'où descend un lieutenant essoufflé qui lui tend un papier portant ces mots :

Prière au Père Seitz de se rendre immédiatement au terrain d'aviation de Hongay. Nous avons mission de le ramener à Hanoï.

Que se passe-t-il donc de si grave à Hanoï pour qu'on l'envoie chercher ainsi d'urgence, et par des moyens si peu ordinaires ?... Qui l'appelle ainsi ?... Le Père échafaude toutes les suppositions, se perd en conjectures. Mais il n'a pas à hésiter ni à perdre de temps. Il lui faut tout de même s'habiller, car il allait partir au bain avec ses enfants ; il empoigne sa valise et saute dans la jeep. Hongay est à une demi-heure de là, centre charbonnier resserré entre la mer et la montagne ; en fait de terrain d'aviation, il y a un simple champ en pente, limité en haut par une ligne à haute tension, en bas par une ligne de chemin de fer, un fossé, puis la mer. En tout : cent vingt mètres de longueur... Le moteur de l'avion ronfle déjà, le Père saute sur l'unique siège derrière le pilote et interroge celui-ci : « Que se passe-t-il ? » — Il n'en sait rien. L'avion s'élance déjà, fonce vers la mer et, dix mètres avant le bout du terrain, arrive à décoller, saute comme à pieds joints la ligne de chemin de fer, frôle l'eau et s'élance, virant fortement pour éviter un de ces magnifiques pics qui parsèment la baie. Deux minutes plus tard, il survole

nát to lớn, biết bao công việc cần phải làm. Đúng vậy, đây là lúc đòi hỏi phải có đức tin toàn vẹn — và cả đức cậy nữa. ”

Giáo phận Hà Nội bị trống tòa trong hơn 1 năm.

Tình hình Đông Dương không thay đổi. Người ta chờ đợi sự trở lại của hoàng đế Bảo Đại trong sự thờ ơ; người ta nghi ngờ việc ông có thể đem lại hòa bình. Vùng lãnh thổ phía trong của đất nước vẫn không đi lại được, trừ những trục lộ được quân Pháp trấn giữ. Việt Minh vẫn còn rất hiểm độc và hoạt động tích cực, chúng kết nối với Trung cộng và được bọn này tiếp sức. Cha Seitz viết ngày 20/08/1949:

*“Chúng tôi đang sống trên ngọn núi lửa. Nhưng chúng tôi vẫn sống, đó là điều quan trọng nhất! Ngày mai, sẽ biết phải làm gì: ngày nào có nỗi khổ của ngày đó. Các công trình mà tôi đang thực hiện khiến tôi rất cực nhọc, nhưng cũng đem lại nhiều thoải mái. Tôi nhận thấy rằng khi người ta làm việc càng nặng nề và trong tình trạng mất an ninh, thì công việc càng đem lại kết quả ... ngay cả khi về bên ngoài cho thấy ngược lại. *

Lúc đó, Ngài đã có một cuộc phiêu lưu rất đặc biệt — nhưng không gì là bình thường đối với Ngài, nhất là trong những hoàn cảnh đặc biệt mà Ngài đang sống! — khi Ngài đang ở chỗ trại hè tại Hạ Long. Một chiếc máy bay nhỏ bay qua trại vào buổi chiều, khoảng 5 giờ, rồi biến mất. Sau đó xuất hiện một chiếc xe jeep, một viên trung úy hỗn hển bước ra và đưa cho Ngài một tờ giấy có ghi:

“Yêu cầu Cha Seitz đến phi trường Hòn Gai ngay lập tức. Chúng tôi có nhiệm vụ đưa Cha về Hà Nội.”

Có việc gì nghiêm trọng ở Hà Nội đến nỗi người ta phải tìm Ngài gấp rút như thế, mà lại với một phương tiện không mấy bình thường? ... Ai đã gọi Ngài vậy? ... Cha Seitz vẽ ra đủ mọi kịch bản, vẫn không thể đoán nổi. Tuy nhiên Ngài không được chần chừ và làm mất thời gian. Tất nhiên Ngài phải đi thay đồ đã, vì Ngài đang đi tắm biển với các con cái Ngài; Ngài chụp lấy va li và nhảy lên xe jeep. Hòn Gai cách đó nửa giờ, trung tâm khai thác than đá có núi và biển kẹp hai bên; sân bay thì chỉ là một bãi dốc, phía trên đầu có một dây điện cao thế, phía dưới một đường rầy xe lửa, một cái hồ, và biển. Toàn bộ sân bay chỉ dài 120m ... động cơ của máy bay đang gầm rú, Ngài nhảy vào cái ghế duy nhất sau phi công và hỏi ông này: “Có chuyện gì vậy?” — Ông ta không biết gì cả. Máy bay bắt đầu phóng tới, đâm đầu về hướng biển và cất cánh 10 mét cách cuối đường băng, băng qua đường rầy xe lửa, chạm sơ mặt nước và phóng lên

en rase motte le camp des enfants qui, ravis et enthousiastes, agitent les bras et hurlent.

À 19 h 45, l'avion se pose à Hanoi. On apprend au Père que l'ordre de mission d'aller le chercher a été transmis par le directeur des Affaires politiques. Il se fait conduire à son bureau, qu'il connaît : à cette heure, les bureaux sont fermés ; à son domicile : le boy dit que Monsieur est sorti, il ne sait où. Entre temps, la voiture qui le conduisait a disparu, et le voilà seul, à pied, dans la nuit noire, loin de son domicile. Il est penaud et vexé ! Dans quel traquenard est-il tombé ? Quelle aventure stupide ! Plus d'autre solution que de rentrer à l'orphelinat : quatre kilomètres par un chemin défoncé et boueux. On verra demain de quoi il s'agit.

Mais le Père a oublié que l'orphelinat se trouve dans une zone déclarée en état de siège, où l'on n'a plus le droit de circuler dès la chute du jour.

— « Halte-là ! » lui crie une voix menaçante, surgie de derrière un arbre.

— « Halte-là ! » encore, accompagné du cliquetis d'une arme qu'on charge. — « Si toi y a bouger, moi y a tirer ! »

C'est un Marocain, de la garde française ; il appelle un autre garde et, sous cette bonne escorte, le Père est conduit au poste. Là, l'adjudant chef de poste par bonheur le reconnaît.

— « Ah ! oui, vous êtes le Père de l'orphelinat. Eh bien, vous avez eu de la veine : premièrement que la sentinelle ne vous ait pas tiré dessus... et puis que je vous reconnaisse ! Bon. Je vais vous faire accompagner, pour que vous puissiez franchir les autres postes sans ennuis. »

Flanqué de deux goumiers, il reprend la route. Il est près de vingt et une heure. Soudain, derrière lui, la route est balayée par les phares d'une puissante voiture : les goumiers se mettent en garde pour l'arrêter ; elle stoppe, en effet. En surgit un officier de police en uniforme, qui s'écrie :

— « Père Seitz ! Mais on vous cherche partout ! Il y a cinq voitures qui courent la ville en ce moment. Venez vite : on vous attend à l'hôtel du gouverneur. » — « Mais enfin, j'en ai assez de cette plaisanterie ! Que se passe-t-il ? Et qui me demande ? » — « Je ne sais pas. On m'a envoyé vous chercher, et il faut que je vous ramène. »

Le Père, tout crotté, doit tout de même passer chez lui pour faire un brin de toilette et se changer. Puis la voiture file en direction du palais du gouverneur, brillamment éclairé alors qu'il va être vingt-deux heures.

rôi lượn vòng để tránh một trong các mỏm đá giăng đầy trong vịnh. Hai phút sau, máy bay bay ngang trại hè, bọn trẻ vui mừng sung sướng, vẫy tay reo hò.

Lúc 19 giờ 45, máy bay đáp xuống Hà Nội. Người ta cho Ngài biết rằng lệnh đón Ngài là do ông giám đốc Sở Chính Trị. Ngài bảo người ta dẫn mình tới văn phòng của ông giám đốc mà Ngài biết: giờ này các văn phòng đều đã đóng cửa; tới nhà riêng của ông: người giúp việc nói Ông Chủ đã ra khỏi nhà, đi đâu không biết. Trong lúc đó, chiếc xe đưa Ngài tới cũng đã biến mất, vậy là Ngài chỉ còn lại một mình, giữa đêm đen, mà nhà thì xa. Ngài ngạc nhiên và bức mình! Mình đang rơi vào cái bẫy gì đây? Một chuyến đi ngu xuẩn! Chỉ còn giải pháp là quay về cô nhi viện: 4 km đường bùn lầy và đầy ổ gà. Rồi ngày mai sẽ tính.

Nhưng Cha Seitz đã quên rằng cô nhi viện nằm trong một vùng gọi là vùng giới nghiêm, không ai được đi lại khi chiều tối.

“Đứng lại” một tiếng la đầy đe dọa vang lên sau một gốc cây – “Đứng lại” lần nữa, kèm theo tiếng lên đạn. – “Nếu cục cựa, tao bắn”

Đó là một người Maroc, thuộc đội lính Pháp; anh ta kêu thêm một lính gác khác, và “hộ tống” Ngài về bót. Ở đó may phước, viên thượng sĩ nhận ra Ngài.

— «Ah, Cha là Cha của cô nhi viện. May cho Cha lắm đó: thứ nhất là tên lính gác đã không bắn Cha... thứ hai là con nhận ra Cha! Thôi được rồi. Con sẽ cho người dẫn Cha đi, để có thể qua các trạm gác khác mà khỏi phải rắc rối”

Được hai người lính tháp tùng hai bên, Ngài tiếp tục lên đường, lúc ấy là gần 9 giờ tối. Bỗng nhiên, sau lưng Ngài, đèn pha từ một chiếc xe to rọi sáng cả khúc đường: mấy người lính chuẩn bị chặn chiếc xe; và chiếc xe dừng lại thật. Lúc đó một sĩ quan cảnh sát xuống xe và la lên:

— «Cha Seitz! Người ta đang tìm Cha khắp mọi nơi! Có 5 chiếc xe đang chạy lòng vòng trong thành phố tìm Cha. Lại đây nhanh: người ta đang đợi Cha ở nhà khách Toàn Quyền.” – “Nhưng sao, tôi chán trò đùa này lắm rồi! Có chuyện gì xảy ra vậy? Ai đang tìm tôi?” – “Tôi không biết. Người ta sai tôi đi tìm Cha, và tôi phải đưa Cha về.”

Dù sao thì Ngài cũng phải về nhà để rửa ráy và thay quần áo, vì lúc đó Ngài người ngợm dơ dáy. Rồi chiếc xe chạy như bay về phía nhà khách Toàn Quyền, nơi đó đèn đóm sáng rực dù đã gần 10 giờ tối.

Le maître d'hôtel l'introduit dans le grand salon. Vide ! Personne ! Il se demande s'il rêve ou s'il est le jouet d'une mystification savante.

Une porte s'ouvre enfin, et le général Kosh, commandant supérieur des forces du Nord-Indochine, qu'il connaît bien, s'avance vers lui, chaleureux, le prend familièrement par le bras et le fait entrer... dans une salle à manger où quarante à cinquante convives sont joyeusement attablés. Au milieu d'une ovation, le général lance : « Monsieur Coste-Floret, ministre de la France d'Outre-mer, a tenu à ce que vous soyez présent ce soir parmi nous, car il va vous remettre la Légion d'honneur. » Dans un soupir, de stupéfaction, de soulagement et de honte, le Père lui répond : « Mon général, j'aime mieux cela que de passer la nuit au poste !... » Et d'expliquer l'aventure qu'il vient d'éprouver.

À l'issue du dîner — que le Père prend là où il en est, — a lieu, au salon, la cérémonie de la remise de décoration. C'est la reconnaissance officielle par la France du splendide travail accompli par le Père Seitz au service de l'enfance abandonnée de l'Indochine, de son dévouement sans limite, de son courage en toutes circonstances, de son désintéressement personnel, de sa charité évangélique en acte.

Certains journaux de France se feront l'écho de l'événement, comme aussi du rayonnement du missionnaire. Un journal de Seine- Maritime titre : *Dans l'ordre de la Légion d'honneur — À Criquetot — Le R.P. Seitz.*

C'est avec joie et fierté que nous avons appris que notre concitoyen, le R.P. Seitz, des Missions Étrangères de Paris, fils de M. Seitz, a reçu des mains de M. Coste-Floret, ministre de la France d'Outre-mer, la croix de la Légion d'honneur, à Hanoï même. (...) Nous prions son père d'agréer nos bien vives félicitations. (...)

Suit un résumé des activités du Père.

L'agence *Fides*, du 4 février 1950, titre : « Le Monsieur Vincent de Hanoï ».

Par son inlassable charité en faveur de l'enfance abandonnée, le Père Paul Seitz, des Missions Étrangères de Paris, a mérité le nom de « Monsieur Vincent de Hanoï ». Le centre d'accueil, qu'il a fondé en 1943 et où sont passés des centaines d'enfants miséreux, a survécu à toutes les vicissitudes de la guerre. Pour permettre à l'oeuvre de supporter la lourde charge de 400 jeunes bouches à nourrir, une kermesse, organisée le 8 janvier, a vu passer plus de 10 000

Ông chủ nhà khách dẫn Ngài vào phòng khánh tiết. Trống không! Chẳng một bóng người! Ngài tự hỏi mình đang mơ hay đang là nạn nhân của một trò chơi huyền bí và thông thái nào đây.

Cuối cùng, một cánh cửa mở ra, và tướng Kosh, chỉ huy trưởng của các lực lượng Miền Bắc Đông Dương, mà Ngài biết rõ, tiến về phía Ngài, nồng nhiệt, thân thiện nắm tay dẫn Ngài vào . . . một phòng ăn đã có sẵn khoảng từ 40 đến 50 khách đang vui vẻ ngồi bàn. Giữa tiếng tung hô, vị tướng la lên: “Ngài Coste Floret, bộ trưởng bộ Thuộc Địa, đã yêu cầu là Cha phải có mặt chiều hôm nay với chúng tôi, vì ngài bộ trưởng sắp trao cho Cha huy chương Bắc đẩu bội tinh.” Thở phào kinh ngạc, vừa nhẹ người vừa hồ thẹn, Cha Seitz đáp lời: “Thưa đại tướng, tôi thích như vậy hơn là phải ngủ đêm ở bót !...” Và Ngài giải thích chuyện phiêu lưu mà mình vừa trải qua.

Sau bữa tiệc – mà Ngài chỉ nhập cuộc vào lúc đó – diễn ra buổi lễ trao huy chương cho Ngài trong phòng khánh tiết. Đó là sự công nhận chính thức của nước Pháp cho công việc tuyệt vời Ngài đã thực hiện để phục vụ trẻ em bị bỏ rơi tại Đông Dương, cho sự tận tụy vô biên, cho lòng can đảm trong mọi hoàn cảnh, cho sự vô vị lợi cá nhân, và cho sự thể hiện lòng bác ái Phúc âm của Ngài.

Vài tờ báo Pháp có đăng tin về biến cố này, cũng như về sự lan tỏa tấm gương sáng của vị Thừa sai. Một tờ báo của vùng Seine Maritime viết: Huy chương Danh Dự - Ở Criquetot – Cha Seitz

“Chúng tôi vui mừng và hãnh diện khi hay tin một đồng hương của chúng ta, Cha Seitz, thuộc Hội Thừa Sai Paris, con của ông Seitz, đã nhận từ tay của Ngài Coste-Floret, bộ trưởng bộ Thuộc Địa, huy chương Bắc đẩu bội tinh, ngay tại Hà Nội. (...) Chúng tôi xin thân phụ Ngài nhận nơi đây lời chúc mừng nồng nhiệt nhất. (...)”

Tiếp theo là bản tóm lược các hoạt động của Cha.

Thông tấn xã *Fides*, ngày 4 tháng 2 năm 1950, tiêu đề: «Ngài Vinh Sơn Hà Nội».

“Bằng hoạt động bác ái không mệt mỏi của mình đối với trẻ em bị bỏ rơi ở Hà Nội, cha Paul Seitz, thuộc Hội Thừa Sai Paris, đã xứng đáng tên gọi là “Ngài Vinh Sơn Hà Nội”. Trung tâm tiếp nhận, mà Ngài thành lập năm 1943 và hằng trăm trẻ em bị bỏ rơi đã sống nơi đây, đã vượt qua tất cả các thăng trầm của chiến tranh. Để có thể giúp trung tâm này nuôi 400 miệng ăn, một cuộc hội chợ, được tổ chức ngày 8 tháng 1, với hơn mười ngàn người tham dự, không phân

personnes qui ont tenu, sans distinction de races ou de religions, à manifester au Père Seitz leur sympathie : Vietnamiens, Français, Chinois, Indiens, catholiques, bouddhistes, incroyants et musulmans. On remarqua particulièrement la présence de M. Nguyen-Huu-Tri, gouverneur du Nord-Vietnam, qui donna en sortant une généreuse obole de 10 000 piastres (170 000 francs). Cette belle manifestation d'union dans un pays divisé a montré une fois de plus que l'amour est plus fort que la haine.

« L'amour et la haine » : c'est bien de cela qu'il s'agit de plus en plus dans ce pays divisé, et dans le coeur divisé de beaucoup de ses habitants, tiraillés entre une propagande anti-française surchauffée par le Viêtminh, et la raison qui leur montre la nécessité d'une présence française pour le bien de leur pays.

Je pense, écrit le Père Seitz à son père, le 5 décembre 1949, que cette dualité d'attitude est provoquée, pour une bonne part, par notre incapacité, notre veulerie ; par le fait que nous donnons le spectacle d'un pays sans force et sans grandeur. En un mot : perte de prestige. C'est grave en Orient !

Par un officier français qui est allé en opération dans ce secteur, le Père Seitz a enfin des nouvelles de son cher Ba-Vi — mauvaises nouvelles, évidemment: les Viêt-minhs détruisaient systématiquement toutes les constructions, mais un grand calvaire érigé à l'entrée demeurait encore debout, ainsi que la chapelle. Que retrouvera-t-il après la guerre ?... « Je suis décidé, si Dieu le permet, à rebâtir ce camp », assure-t-il. À la fin de l'année 1949, l'effectif de son orphelinat de Hanoï est de 350 enfants : c'est le maximum de sa capacité d'accueil. Faire vivre une pareille maison devient de plus en plus onéreux et il termine encore cette année avec de lourdes dettes.

La pauvreté est un des signes de Dieu sur une oeuvre, pense-t-il. Je suis bien servi, en vérité. Mais je dois cependant reconnaître une chose admirable : quand je regarde en avant, je ne vois que caisse vide et incertitude; quand je considère le passé, je suis bien obligé de reconnaître que je n'ai jamais manqué de l'essentiel pour mes orphelins. De quoi me plaindrais-je donc ? Je ne perds ni le sommeil ni l'appétit pour autant : ce serait un manque de foi caractérisé !

Un nouveau vicaire apostolique à Hanoï

Au début du mois de mai 1950, un grand événement, que l'on peut qualifier d'historique, stupéfie les missionnaires et les catholiques de Hanoï : le pape Pie XII a pris la décision de confier la direction du vicariat apostolique — dont le

biệt màu da hay tôn giáo, đã cho thấy thiện cảm của mọi người dành cho Cha Seitz: Việt, Pháp, Tàu, Ấn Độ, Công giáo, Phật giáo, vô thần hay Hồi giáo. Đặc biệt, người ta còn thấy sự hiện diện của ông Nguyễn Hữu Trí, Thủ Hiến Bắc Kỳ, đã hiến tặng 10,000 đồng bạc đồng dương (tương đương 170,000 quan Pháp). Đây là một biểu hiện đẹp đẽ của sự đoàn kết trong một đất nước đang bị chia rẽ, và một lần nữa chứng tỏ rằng tình yêu vẫn mạnh hơn hận thù.”

«Tình yêu và hận thù»: Đó là điều càng ngày càng quan trọng trong đất nước bị chia rẽ này, và cả trong con tim bị chia rẽ của phần đông dân bản xứ, đang bị giằng co giữa sự tuyên truyền chống Pháp do Việt Minh thổi phồng, và lý trí cho thấy sự hiện diện của Pháp là cần thiết đối với lợi ích của đất nước. Cha Seitz viết cho thân phụ mình vào ngày 5/12/1949 như sau:

“Con nghĩ rằng thái độ trái ngược này, một phần lớn là do sự bất lực của chúng ta, sự nhu nhược của chúng ta; bởi chúng ta đang cho thấy hình ảnh của một đất nước yếu đuối và thiếu sự vĩ đại. Nói tóm lại: mất uy tín. Điều đó rất trầm trọng ở Đông phương!”

Qua một sĩ quan Pháp đã đi hành quân trong vùng này, Cha Seitz cuối cùng đã biết tin tức vùng Ba Vi yêu thương của mình – tin xấu tất nhiên: Việt Minh đã phá hủy một cách có hệ thống tất cả mọi công trình xây dựng, nhưng một tượng thánh giá đặt ở cổng vẫn còn, cũng như nhà nguyện. Ngài có thể tìm lại được gì sau cuộc chiến? ... Ngài khẳng định: “Tôi nhất định, nếu Chúa cho phép, sẽ xây dựng lại công trình này”. Cuối năm 1949, tổng số các em trong cô nhi viện của Ngài ở Hà Nội đã lên tới 350 em: đây là mức tối đa khả năng tiếp nhận của khu nhà. Nuôi sống một cơ sở như vậy ngày càng tốn kém và Ngài kết thúc năm đó với những khoản nợ to lớn. Ngài tâm sự:

“Sự nghèo nàn là một trong những dấu hiệu của Chúa trên một công trình. Tôi đã được như vậy thật. Nhưng tôi phải nhìn nhận một điều đáng phục: khi nhìn về phía trước, tôi chỉ thấy một túi tiền trống rỗng và sự bấp bênh; khi quay lại quá khứ, tôi buộc phải thừa nhận rằng tôi chưa bao giờ thiếu thốn nhu cầu cơ bản nào cho các trẻ mồ côi của tôi. Như vậy tôi có gì phải than van? Điều đó không làm tôi mất ăn mất ngủ: vì làm như vậy thì sẽ chứng tỏ thiếu lòng tin rõ ràng!”

Một đại diện tông toà mới ở Hà Nội

Đầu tháng 5 năm 1950, một sự kiện lớn, mà người ta có thể gọi là sự kiện lịch sử, đã làm các vị thừa sai và giáo dân Hà Nội kinh ngạc: đức Giáo hoàng Piô 12 đã quyết định giao quyền điều khiển hạt đại diện tông toà – đã trống hơn một

siège est vacant depuis plus d'un an — à un prêtre vietnamien: l'abbé Joseph-Marie Trinh-nhu-Khuê, alors curé de la paroisse Saint-Antoine, âgé de 49 ans.

C'est une page de l'Histoire de l'Église du Vietnam qui se tourne car, on s'en souvient, ce sont des Pères des Missions Étrangères de Paris qui, au cours du xviii^e siècle, se sont établis les premiers dans ce pays et l'ont converti. Le premier évêque, Mgr François Pallu s'y était rendu par voie de terre et dix de ses compagnons de voyages, tous jeunes missionnaires, avaient péri en cours de route, de fatigue et de misère, « établissant avec leur carcasse, dit le P. Seitz, le premier lien, le premier pont entre la France et l'Asie ». Mgr Pallu mourut lui-même aux portes de la terre promise, sans avoir pu mettre le pied dans son diocèse.

Depuis cette époque, vingt-quatre évêques, deux cent soixante-dix missionnaires, tous des Missions Étrangères, se sont succédés dans le Nord de l'Indochine, travaillant sans relâche à fonder l'Église. Il y eut des heures bien sombres, mais bien glorieuses ! Trois empereurs annamites, au cours du xix^e siècle, déchaînèrent de sanglantes persécutions: plus de cent mille martyrs vietnamiens mêlèrent leur sang à celui de nombreux missionnaires pour féconder cette terre.

Mgr Trinh-nhu-Khuê recevra la consécration épiscopale dans la cathédrale de Hanoi le 15 août 1950 et les missionnaires transmettront l'héritage de quatre siècles de labeur au clergé séculier. Mais Rome désire qu'ils restent encore dans le diocèse pour collaborer avec le nouvel évêque: il y a tant à faire dans ce pays de vingt-deux millions d'habitants, qui ne compte que deux millions de catholiques !

Il n'est pas question davantage que le Père Seitz abandonne ses lourdes responsabilités, même s'il ressent une vraie fatigue et une surcharge qui dépasse les forces humaines. La Providence va heureusement se charger de lui procurer de l'aide grâce — si l'on peut dire — aux communistes qui bloquent certaines régions et en interdisent l'accès aux missionnaires. Il va donc hériter tout d'abord d'un vicaire à la cathédrale, ce qui le soulage bien. À la librairie aussi, un missionnaire lui est donné pour le seconder. À l'orphelinat enfin, le jeune Père Jean Faugère est nommé directeur adjoint, tandis qu'un jeune prêtre vietnamien devient aumônier de l'oeuvre. Il y a également l'excellente madame Dubois, une Eurasienne qui se dévoue depuis des années déjà auprès des enfants avec tout l'amour d'une maman et sur qui le Père Seitz peut compter en toute sécurité ; elle est chargée en particulier de l'intendance et part chaque matin avec le camion acheter le nécessaire; quand elle n'a plus d'argent, elle donne un « bon » avec la signature du Père, et les marchands, qui la connaissent bien, lui

năm - cho một linh mục người Việt: Cha Giuse Maria Trịnh Như Khuê, lúc đó đang làm cha sở giáo xứ Thánh Antôn, 49 tuổi.

Đó là một trang sử mới cho Giáo Hội Việt Nam, vì người ta nhớ lại, là trong thế kỷ 17, chính các linh mục thuộc Hội Thừa Sai Paris đã là những người đầu tiên đến xứ này và đã làm cho xứ này trở lại đạo. Vị giám mục tiên khởi, Đức Cha Pallu đã đến đây bằng đường bộ và 10 người trong đoàn, tất cả đều là những vị thừa sai trẻ tuổi, đã chết trên đường đi, vì mệt mỏi và đói khát, và như Cha Seitz nói, “bằng xương thịt mình, họ đã thiết lập mối dây đầu tiên, chiếc cầu đầu tiên kết nối Nước Pháp và Châu Á”. Ngay cả Đức Cha Pallu cũng đã chết ở ngưỡng cửa của đất hứa, không đặt được bước chân lên giáo phận của mình.

Từ thời gian đó, 24 giám mục, 270 vị thừa sai, tất cả đều thuộc Hội Thừa Sai Paris, đã tiếp nối nhau ở Miền Bắc Đông Dương, làm việc không ngừng nghỉ để xây dựng Giáo Hội. Đã có những giờ phút đen tối, nhưng hiển hách biết bao! Ba vị hoàng đế Việt Nam, trong thế kỷ 19, đã tung ra những cuộc bách hại đẫm máu: hơn 100,000 đấng tử đạo Việt Nam đã hòa máu của mình với máu của nhiều Vị thừa sai để làm cho vùng đất này sinh hoa kết trái.

Đức Cha Trịnh Như Khuê được tấn phong trong nhà thờ chánh tòa Hà Nội vào ngày 15 tháng 8 năm 1950 và các vị thừa sai sẽ chuyển giao gia sản của 4 thế kỷ lao khổ cho hàng giáo phẩm triều. Nhưng Toà Thánh muốn các vị thừa sai vẫn ở lại trong giáo phận để hợp tác với đức Giám mục mới: còn biết bao công việc phải làm trong một đất nước có 22 triệu dân, mà chỉ có 2 triệu người công giáo!

Cũng sẽ không có chuyện Cha Seitz rũ bỏ các trách nhiệm nặng nề, ngay cả khi Ngài cảm thấy mệt mỏi thực sự và một gánh nặng vượt mức giới hạn con người. May thay, Chúa Quan Phòng đã đến đem hỗ trợ cho Ngài nhờ - nếu như có thể nói vậy - cộng sản đã chặn một số vùng và cấm các vị thừa sai lui tới. Vì vậy trước hết Ngài được thêm một cha phó tại nhà thờ chính tòa, làm bớt phần gánh nặng cho Ngài. Còn ở nhà sách, có một cha thừa sai đến phụ tá cho Ngài. Cuối cùng ở cô nhi viện, cha Faugère trẻ trung được đặt làm phó giám đốc, trong khi một linh mục trẻ người bản xứ trở thành tuyên úy cho cơ sở. Nhân sự cũng có thêm bà Dubois, một bà lai Tây đã tận tụy phục vụ suốt nhiều năm qua với tất cả tình thương của một người mẹ và Cha Seitz có thể hoàn toàn giao phó công việc; bà đặc biệt có trách nhiệm quản lý và mỗi sáng lái xe tải đi mua sắm các thứ cần dùng; khi không còn tiền, bà viết giấy nợ với chữ ký của Cha, và các nhà buôn, đã biết rõ bà, luôn tin tưởng: họ sẽ được trả ngay khi có thể. Bà cũng phụ trách phòng bệnh và thành lập một nhóm các em lớn để chích thuốc và săn

font confiance : on paiera dès que possible. Elle s'occupe aussi de l'infirmerie et forme une équipe d'aînés pour faire les piqûres et donner les premiers soins; enfin, elle dirige les femmes de la cuisine et de la lingerie. Le Père peut compter aussi sur des jeunes qu'il a formés avec une patience inlassable, et qui deviennent des moniteurs, des chefs de groupes et de familles.

Il a enfin l'aide, inestimable, de religieuses dont le dévouement, la charité, la délicatesse sont sans borne. Il a connu les Soeurs de Saint-Paul-de-Chartres dès ses premières années de ministère ; il a également les Soeurs amantes de la Croix pour s'occuper de ce qu'il a appelé le « jardin d'enfants ».

Avec cette équipe qui se rode, il peut prendre du recul, se sentir moins harcelé, s'en tenir à un rôle de direction générale. Il était temps pour que sa santé ne craque pas ! C'est l'orphelinat qui lui donne le plus de soucis, mais aussi beaucoup de joies. Les soucis, c'est que, malgré les trois cent cinquante places, il doit refuser chaque mois cinquante à soixante demandes ; et surtout qu'il doit trouver chaque mois deux millions de francs pour assurer la survie. Les joies, c'est que l'esprit est excellent; ces « pauvres gosses », comme il les appelle, ne sont pas méchants.

Il leur a simplement manqué un père et une mère. Si j'avais le temps d'écrire, que d'anecdotes ou d'études psychologiques intéressantes j'aurais à noter ! Mais le souci du pain quotidien l'emporte sur tout!

Néanmoins, il a pu remettre à neuf ces vastes bâtiments auxquels le Viêt-minh avait mis le feu, à commencer par la chapelle, restaurer, reconstruire les cuisines, l'infirmerie, les ateliers annexes, aménager terrains de sports et de gymnastique, etc.

Un coup de cravache vient soudain lui cingler les reins, avec une violence à laquelle d'autres que lui n'auraient pu résister. Son nouvel évêque lui a exprimé le désir de visiter cet orphelinat modèle et le Père directeur lui en fait les honneurs, le promenant partout. Mgr Trinh Nhu-Khuê, après avoir tout examiné et admiré, lui dit paisiblement :

« Cette maison conviendrait bien pour mon petit séminaire ! » Paul Seitz a déjà reçu la foudre, dans son bureau, il n'y a pas si longtemps; il a vu son domaine du Ba-Vi, construit de ses mains et à la sueur de son corps, spolié et détruit par le Viêt-minh ; il a déjà été chassé d'un endroit à l'autre; il termine à peine la restauration de l'orphelinat dans cette Maison Lacordaire, au prix de labeurs sans nom, de quêtes et de requêtes; il y passe ses jours et ses nuits au service des plus pauvres parmi les pauvres, les orphelins victimes de la guerre... Et voilà

sóc ban đầu; sau cùng bà điều khiển các phụ nữ trong bếp và phòng giặt đồ. Cha Seitz cũng tìm được sự trợ giúp nơi các em lớn mà Ngài đã hết sức kiên nhẫn đào tạo, họ trở thành các huấn luyện viên, trưởng nhóm và trưởng nhà.

Cuối cùng Ngài có sự giúp đỡ vô cùng to lớn của các nữ tu, với sự tận tâm, lòng bác ái, và sự tế nhị không bờ bến. Ngài đã quen biết các nữ tu dòng Thánh Phaolô thành Chartres từ những năm đầu tiên trong sứ vụ của mình; Ngài cũng có sự trợ giúp của các nữ tu dòng Mến Thánh Giá để lo cho công trình mà Ngài gọi là “Vườn trẻ”.

Với tập thể này đang đi vào nề nếp, Ngài có thể tách mình ra khỏi công việc hàng ngày, cảm thấy bớt áp lực, và chỉ cần phải giữ vai trò điều hành tổng quát. Đã đến lúc sức khỏe của Ngài không được suy sụp! Cô nhi viện khiến Ngài lo lắng nhất, nhưng cũng cho Ngài rất nhiều niềm vui. Lo lắng, vì rằng, dù đã có 350 chỗ, nhưng tháng nào Ngài cũng phải từ chối khoảng 50 đến 60 đơn xin; và quan trọng nhất là phải kiếm cho ra 2 triệu quan Pháp mỗi tháng để bảo đảm sống còn. Còn niềm vui, chính là do tinh thần rất tốt; “bọn nhóc”, theo cách Ngài gọi chúng, không hề dữ dằn.

“Đơn giản là chúng chỉ thiếu một người cha và một người mẹ. Nếu như có thời gian để viết, thì có biết bao câu chuyện và khám phá tâm lý tôi có thể ghi lại! Nhưng mỗi lo cơm bánh hằng ngày đã át đi tất cả!”

Đã sao thì Ngài cũng đã có thể xây lại các công trình rộng lớn mà Việt Minh đã đốt phá, bắt đầu từ nhà nguyện, rồi tu sửa, xây dựng lại nhà bếp, bệnh xá, các xưởng thợ gần bên, dọn dẹp để cho ra đời các sân thể thao và thể dục. v.v.

Bất ngờ, một cú roi vọt ngang lưng Ngài, mạnh đến mức người khác chắc không thể chịu nổi. Vị giám mục mới tỏ ý với Ngài rằng mình muốn đến thăm cô nhi viện mẫu mực này và Cha Giám Đốc đã vinh dự dẫn Đức Cha đi khắp mọi chỗ. Đức Cha Trinh Nhu Khuê, sau khi đã quan sát và khen ngợi, ôn tồn nói với Ngài: “Căn nhà này rất thích hợp cho tiểu chủng viện của tôi!” Cha Paul Seitz đã bị sét đánh trong văn phòng của mình cách đây không lâu. Ngài đã thấy công trình trên núi Ba Vì, được xây dựng bằng đôi tay và mồ hôi của chính bản thân Ngài, bị Việt Minh cướp đoạt và phá hủy; Ngài đã bị đuổi từ nơi này qua nơi khác; Ngài vừa mới trùng tu xong cô nhi viện trong khu Nhà Lacordaire này, tốn biết bao mồ hôi nước mắt, xin xỏ; Ngài đã trải qua bao nhiêu ngày đêm để phục vụ những kẻ nghèo nhất trong các kẻ nghèo, các trẻ em mồ côi nạn nhân của chiến tranh ... Vậy mà, vừa mới được tấn phong, đức Giám mục của Ngài

que, à peine nommé, son évêque vient pour la lui reprendre ?... Il ne bronche pas sous le coup inopiné de celui qui était son confrère-curé jusqu'à il y a quelques mois. Sans hésiter, il répond simplement:

La formation des futurs prêtres doit être le premier souci d'un évêque. Je vous demande simplement une année pour trouver un logement pour mes garçons.

Quand le Père Seitz raconte cette entrevue à son adjoint, le Père Faugère, la première réaction de celui-ci est l'indignation, presque la révolte. Cet évêque a vraiment du culot, dit-il, de réclamer un domaine où les missionnaires sont installés, alors que personne n'en voulait; dans lequel ils ont fait tant de dépenses pour les réparations et l'aménagement ; où les orphelins sont enfin dans les meilleures conditions physiques et spirituelles. Mais le Père répond qu'il faut regarder l'intérêt supérieur de la mission, que si la Providence veut que son oeuvre continue, elle trouvera pour les enfants une solution qui sera encore préférable à l'actuelle.

On commence donc par demander aux enfants une neuvaine de prière à sainte Thérèse, la Patronne de l'oeuvre, et on décide de faire une nouvelle kermesse pour trouver de l'argent, la précédente ayant été une réussite. Le Père Seitz confie la préparation de celle-ci à Nguyễn Thoại, son premier baptisé au Tonkin, qui l'a aidé au Ba-Vi, qui est passé ensuite par chez les Việt-minhs, puis a travaillé au service de repression des fraudes. Son chef de service a attesté alors: « Il s'en est mis plein les poches, mais il n'y a plus de fraudes ! » C'est l'homme de la situation! La municipalité donne l'autorisation de s'installer sur le champ de courses de la ville: un terrain idéal. Une dizaine de stands avec des jeux divers et, au centre, un grand stand qui explique l'origine, l'historique, le fonctionnement de l'orphelinat, avec photos, graphiques, etc. À la fin, il y aura une grande tombola avec des lots de valeur offerts par les commerçants d'Hanoi: 1^{er} lot: une jeep Delahaye, 2e lot: une 2 C.V. ; celles-ci sillonnent la ville pour faire de la publicité.

Grand succès dès les premiers jours, la foule afflue, grosses recettes. Mais le troisième ou le quatrième jour, une charge de plastic explose dans le stand principal. Pas de morts ni de blessés, mais des dégâts matériels. Tous les organisateurs sont catastrophés et craignent que plus personne n'ose venir ; mais le Père Seitz dit simplement : « Ce n'est peut-être pas de cette façon que la Providence veut nous aider. » Il ne restait plus qu'à tout remonter... Et les foules vinrent de plus en plus nombreuses, en sorte qu'il fallut prolonger la kermesse d'une semaine. On compta quarante mille visiteurs. Le double but que le Père se proposait était atteint : — faire entrer des fonds, — informer la population sur ce qu'était l'oeuvre de Sainte-Thérèse

đã đến để lấy lại ư"? ... Ngài đã không nao núng trước cú đánh bất ngờ của người mới cách đây vài tháng còn là đồng đảng của mình trong chức vụ chánh xứ. Không do dự, Ngài trả lời đơn giản:

“Việc đào tạo linh mục tương lai phải là mối lo đầu tiên của một giám mục. Con chỉ xin Đức Cha một năm để tìm chỗ ở cho các cậu bé của con.”

Khi Cha Seitz kể lại chuyện này với phụ tá của mình, Cha Faugère, phản ứng đầu tiên của ngài là sự phẫn nộ, gần như là nổi loạn. Cha Faugère nói đại ý, ông Đức cha này thật cả gan dám đòi lại cơ sở mà các thừa sai đã nhận trong khi ai cũng chê; bây giờ mình đã tốn biết bao tiền của công sức để sửa sang và xây dựng; cuối cùng các trẻ mồ côi mới có những điều kiện thể chất và tinh thần tốt như thế này. Nhưng Cha Seitz trả lời rằng phải nhìn lợi ích tối thượng của địa phận, và nếu Chúa Quan Phòng muốn công việc mình được tiếp tục, Chúa sẽ tìm cho các em một giải pháp còn tốt hơn hiện tại.

Vậy là trước hết, người ta yêu cầu các em làm một tuần cửu nhật cầu nguyện với Thánh Têrêxa, Bồn Mạng của viện, sau đó quyết định tổ chức một cuộc hội chợ mới để kiếm tiền, bởi cuộc hội chợ lần trước đã thành công tốt đẹp. Cha Seitz giao việc chuẩn bị hội chợ lần này cho ông Nguyễn Thoại, người đầu tiên được Ngài rửa tội ở Bắc Bộ, người đã giúp Ngài ở Ba Vì, sau đó theo Việt Minh, rồi về làm việc cho sở chống gian lận. Giám đốc của ông xác nhận: “Ông ta đã bỏ đầy túi, nhưng chẳng còn thấy gian lận đâu nữa!” Ông đúng là người thích hợp cho hoàn cảnh! Tòa đô chính đã cho phép dựng hội chợ tại trường đua của thành phố: một chỗ lý tưởng. Hàng chục quầy với đủ loại trò chơi và ở trung tâm, một cái rạp lớn là chỗ để giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, cách thức hoạt động của cô nhi viện cùng với hình chụp, bản vẽ v.v. Cuối cùng sẽ có một cuộc xổ số với những phần thưởng giá trị được các nhà buôn ở Hà Nội tài trợ: giải nhất, một chiếc xe jeep Delahaye, giải nhì, 1 chiếc xe 2 C.V; các chiếc xe này chạy quanh thành phố để quảng cáo.

Những ngày đầu thành công lớn, khách đến rất đông, thu được nhiều. Nhưng sang ngày thứ ba hay thứ tư, một quả mìn nổ trong rạp trung tâm. Không có ai chết hay bị thương, nhưng hư hại nhiều. Tất cả các người tổ chức đều bàng hoàng và sợ rằng sẽ không ai dám tới nữa; nhưng Cha Seitz nói ngắn gọn: “Chắc đó không phải là phương thế Chúa Quan Phòng muốn giúp chúng ta đâu.” Chỉ còn cách phải gây dựng lại tất cả... Và người ta ùn ùn tham gia hội chợ càng ngày càng đông, đến nỗi phải kéo dài thêm một tuần lễ. Kiếm lại có 40,000 khách. Cả hai mục tiêu mà Cha Seitz đề ra đều đạt: - gây quỹ - và làm cho dân chúng biết đến công trình mang tên Thánh nữ Têrêxa

